

Bản án số 882/2024/HS-PT
Ngày 30/10/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Tự Học;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Vũ Đông;

Ông Ong Thân Thắng.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Đặng Thị Cẩm Ly, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Thu Hà và ông Vũ Văn Biểu, Kiểm sát viên cao cấp.

Trong các ngày 29 và 30 tháng 10 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 1553/2023/TLPT-HS ngày 18/12/2023 đối với bị cáo Lăng Đức H và các bị cáo khác, do có kháng cáo của các bị cáo và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 44/2023/HS-ST ngày 07 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái.

**** Các bị cáo có kháng cáo:***

1. Lăng Đức H, sinh ngày 08/01/1972 tại huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Tổ 9, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Giám đốc Công ty TNHH thương mại Ngọc T4; là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, đang bị đình chỉ sinh hoạt Đảng; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lăng Đức H13 và bà Nguyễn Thị H14 (đều đã chết); vợ là Nguyễn Thị H15 và có 02 con, con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2004; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 18/01/2021, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Yên Bái; có mặt.

2. Nguyễn Trọng T, sinh ngày 17/9/1965 tại tỉnh Hà Giang; nơi thường trú tại: số 01, phố Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội; nơi ở: số nhà 1A, 12/2/5 Đặng Thai Mai, phường Quảng An, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Phó Giám đốc Công ty TNHH Tuyên H7; trình độ học vấn: 12/12; giới

tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Th5 (đã chết) và bà Nguyễn Thị Th6; vợ là Bùi Thanh T6 và có 04 con, con lớn nhất sinh năm 1987, con nhỏ nhất sinh năm 2003; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 07/10/2021, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Yên Bái; có mặt.

3. Nguyễn Văn H1, sinh ngày 04/01/1982 tại huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái; nơi cư trú: Tổ 10, thị trấn Mậu A, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Giám đốc Công ty TNHH Tuyên Huy; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Tiến Th7 (đã chết) và bà Nguyễn Thị Th8; vợ là Bùi Thị H16 (đã ly hôn) và có 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 01/11/2021, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Yên Bái; có mặt.

4. Bùi Mạnh H2, sinh ngày 16/5/1952 tại huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Tổ 10, thị trấn Mậu A, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Phó Giám đốc Công ty TNHH Tuyên H7; trình độ học vấn: 10/10; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Minh Th9 và bà Bùi Thị L2 (đều đã chết); vợ là Vũ Thị H17 và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1980, con nhỏ nhất sinh năm 1991; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 03/3/2021, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Yên Bái; có mặt.

5. Bùi Minh Đ, sinh ngày 20/9/1969 tại tỉnh Lào Cai; nơi cư trú: Tổ 11, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn Ph2 và bà Nguyễn Thị Ng1; vợ là Nguyễn Thị Tố U và có 02 con, con lớn sinh năm 1995, con nhỏ đã chết; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại Bản án hình sự số 22/2010/HSST ngày 29/4/2010, Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ xử phạt Bùi Minh Đ 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”; bị bắt tạm giữ từ ngày 31/12/2020 đến ngày 08/01/2021 được tại ngoại; bị bắt tạm giam từ ngày 18/01/2021 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Yên Bái; có mặt.

**** Các bị cáo có kháng cáo và bị kháng nghị:***

6. Trần Đắc V, sinh ngày 24/5/1970 tại tỉnh Yên Bái; nơi cư trú: Tổ 2, phường Nguyễn Thái Học, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Thủ kho vật liệu nổ Công ty TNHH thương mại Ngọc T4; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Đắc B1 (đã chết) và bà Cao Thị Ph3; vợ là Vũ Thị B2 và có 02 con, con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam

từ ngày 11/5/2021, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Yên Bái; có mặt.

7. Nguyễn Văn B, sinh ngày 04/5/1969 tại tỉnh Yên Bái; nơi cư trú: thôn Làng Mới, xã Mông Sơn, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Bảo vệ Công ty TNHH thương mại Ngọc T4; trình độ học vấn: 02/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Q2 và bà Ngô Thị T7 (đều đã chết); vợ là Nguyễn Thị H18 và có 04 con, con lớn nhất sinh năm 1998, con nhỏ nhất sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 05/4/2021, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Yên Bái; có mặt.

**** Bị cáo không kháng cáo và bị kháng nghị:***

8. Đinh Tiến H3, sinh ngày 05/3/1984 tại huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái; nơi cư trú: số nhà 83, đường Nguyễn Văn Cừ, tổ 10, phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Cán bộ Tỉnh đoàn Yên Bái; là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, đang bị đình chỉ sinh hoạt Đảng; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: Nam; dân tộc: Mường; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh Ngọc Th10 và bà Hà Thị Th11; vợ là Đỗ Kim O (đã ly hôn) và có 02 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, tại ngoại; có mặt.

**** Các bị cáo không kháng cáo, được Tòa án triệu tập:***

9. Lưu Bằng Đ1, sinh ngày 14/11/1972 tại tỉnh Phú Thọ; thường trú tại: số 01, ngõ 19, phố Vạn Bảo, phường Liễu Giai, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội; nơi ở: Tổ 8, phường Minh Tân, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lưu Hữu Đ2 và bà Đặng Thị X; vợ là Nguyễn Thị Thu H19 và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2003, con nhỏ nhất sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: bị xử phạt vi phạm hành chính theo Quyết định số 61/QĐ-XPHC ngày 19/5/1995 của Công an thị xã Yên Bái; bị bắt tạm giam từ ngày 09/4/2021 đến ngày 05/7/2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh, hiện tại ngoại; có mặt.

10. Nguyễn Mạnh H4, sinh ngày 04/3/1978 tại tỉnh Bắc Ninh; thường trú tại: Tổ 10, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội; nơi ở: P3411, tòa nhà Diamond Flower Tower (Handico 6), 48 Lê Văn Lương, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, đang bị đình chỉ sinh hoạt Đảng; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn D4 và bà Đào Thị H20; vợ là Nguyễn Thị Thu H21 và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2003, con nhỏ nhất sinh năm 2013; tiền án, tiền sự:

Không; bị bắt tạm giam từ ngày 30/9/2021 đến ngày 27/01/2022 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh, hiện tại ngoại; có mặt.

**** Người bào chữa cho các bị cáo:***

1. *Người bào chữa cho các bị cáo Lăng Đức Hân, Trần Đắc V:* Luật sư Dương Đức D, luật sư Đào Duy M và luật sư Đào Duy D1 - Công ty luật TNHH Trọng D2, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; đều có mặt.

2. *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Trọng T:* Luật sư Vũ Gia Tr và luật sư Đào Văn T1 - Văn phòng luật sư Hồng H5 và Cộng sự, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; đều có mặt.

3. *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn H1:*

- Luật sư Nguyễn Đức D3 - Văn phòng luật sư Hồng Đ1, Đoàn luật sư tỉnh Yên Bái; có mặt.

- Luật sư Nguyễn Thành L - Công ty luật TNHH Hòe Th, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; có mặt.

4. *Người bào chữa cho bị cáo Đinh Tiến H3:*

- Luật sư Hoàng Trọng H6 - Văn phòng luật sư Hồng Đ1, Đoàn luật sư tỉnh Yên Bái; có mặt.

- Luật sư Đỗ Như Th1 - Văn phòng luật sư Nguyễn Khánh T2 và Cộng sự, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; có mặt.

5. *Người bào chữa cho bị cáo Bùi Mạnh H2:* Luật sư Nguyễn Thành L - Công ty luật TNHH Hòe Th, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; có mặt.

6. *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn B:* Luật sư Trần Ngọc H7 - Văn phòng luật sư Hoàng H8 Đoàn luật sư tỉnh Yên Bái; có mặt.

7. *Người bào chữa cho bị cáo Bùi Minh Đ:*

- Luật sư Phạm Q - Văn phòng luật sư Quang V1, Đoàn luật sư tỉnh Yên Bái; có mặt.

- Luật sư Phan Minh Th2 - Văn phòng luật sư Ban M1, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; có mặt.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo được Tòa án triệu tập:***

1. Ông Ngô Thanh S sinh năm 1979; trú tại: xóm 10, xã Cù Vân, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Ông Đàm Văn T3 sinh năm 1985; trú tại: thôn Nà Tùm, xã Ngọc Phái, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Cạn; vắng mặt.

3. Ông Trần Xuân H9, sinh năm 1975; trú tại: xóm Đoàn Kết, xã Na Mao, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; vắng mặt.

4. Công ty TNHH thương mại Ngọc T4; địa chỉ: Tổ 9, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái; *Người đại diện theo pháp luật*: Ông Lăng Đức H - Giám đốc (là bị cáo trong vụ án); có mặt.

5. Công ty TNHH Tuyên H10; địa chỉ: thị trấn Mậu A, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái; *Người đại diện theo pháp luật*: Ông Nguyễn Văn H1 - Giám đốc (là bị cáo trong vụ án); có mặt.

6. Công ty cổ phần khoáng sản Tây Gi - Yên Bình; địa chỉ: số 54A Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội; *Người đại diện theo pháp luật*: Bà Phạm Thị Hoài Ph - Giám đốc; vắng mặt.

*** *Người làm chứng*:**

1. Bà Hoàng Thị T5 sinh năm 1979; trú tại: thôn Làng Rẫy, xã Cẩm Nhân, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái; có mặt.

2. Ông Trương Văn H11 sinh năm 1977; trú tại: xóm 13, xã Cù Vân, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Văn Ph sinh năm 1987; trú tại: xóm Cao Sơn, xã Sơn Cẩm, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; vắng mặt.

4. Ông Bùi Văn Th3, sinh năm 1985; trú tại: xóm Thuận Hợp, xã Đồng Hợp, huyện Quỳ Hợp, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

5. Bà Cổ Khánh L1 sinh năm 1980; trú tại: Tổ dân phố Tân Lập, thị trấn Du, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên; vắng mặt.

6. Ông Trần Văn Kh sinh năm 1959; trú tại: thôn Đào Kiêu 2, xã Thịnh Hưng, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái; có mặt.

7. Ông Vũ Văn Q1 sinh năm 1988; trú tại: thôn Tiến Sơn, xã Hợp Đức, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang; vắng mặt.

8. Bà Ngô Thị Hà Th4 sinh năm 1989; trú tại: Tổ 10, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái; vắng mặt.

9. Bà Nguyễn Thị H12 sinh năm 1972; trú tại: thôn Đào Kiêu 1, xã Thịnh Hưng, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái; có mặt.

10. Ông Hoàng Văn T5 sinh năm 1995; trú tại: thôn Bản Khán, xã Bình Phú, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang; vắng mặt.

11. Ông Lê Văn Ng sinh năm 1982; trú tại: Tổ 13, phường Phú Xá, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty trách nhiệm hữu hạn Tuyên H10 (gọi tắt là Công ty Tuyên H10) được cấp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản tại mỏ chì-kẽm Núi Ngàng thuộc xã

Cảm Nhân, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái theo Quyết định số 186/QĐ-UB ngày 16/6/2003 của Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Yên Bái, thời hạn khai thác được tính đến ngày 22/10/2009. Sau khi giấy phép khai thác tận thu khoáng sản hết hạn, Công ty Tuyên H10 đang hoàn thiện hồ sơ trình Bộ Tài nguyên và Môi trường đề nghị cấp giấy phép khai thác quặng chì-kẽm theo Quyết định chủ trương đầu tư của UBND tỉnh Yên Bái. Vì vậy, Công ty Tuyên H10 phải có trách nhiệm quản lý, bảo vệ tài sản, công trình khai thác, công trình an toàn, bảo vệ môi trường, bảo vệ khoáng sản chưa khai thác theo quy định của Luật Khoáng sản.

Khoảng tháng 5/2020, Nguyễn Văn H1 - Giám đốc Công ty Tuyên H10 đã bàn bạc, thống nhất với Nguyễn Trọng T, Bùi Mạnh H2 là các phó Giám đốc về chủ trương sửa chữa, nâng cấp đường vào mỏ tại Núi Ngàng, nhằm mục đích thu hút đầu tư sau khi có giấy phép khai thác khoáng sản; đồng thời phân công Nguyễn Trọng T tìm đơn vị thi công, phân công Bùi Mạnh H2 giám sát thi công tuyến đường. Trong thời gian này, Nguyễn Mạnh H4 (còn gọi là H4 lùn) được Nguyễn Trọng T nhờ tiến hành sửa chữa, bảo dưỡng đường điện vào nhà máy tuyển quặng tại Núi Ngàng, đã giới thiệu Nguyễn Trọng T với Đinh Tiến H3 khi đó là Phó Bí thư thường trực tỉnh Đoàn Yên Bái. Nguyễn Trọng T có nói cho Đinh Tiến H3 về việc mở quặng chì-kẽm của Công ty Tuyên H10 tại Núi Ngàng đang chờ cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản, hiện Công ty Tuyên H10 đang có chủ trương nâng cấp, sửa chữa tuyến đường lên mỏ Núi Ngàng.

Khoảng tháng 7/2020, Đinh Tiến H3 giới thiệu Lăng Đức H - Giám đốc Công ty TNHH thương mại Ngọc T4 (gọi tắt là Công ty Ngọc T4, là doanh nghiệp được cấp giấy phép dịch vụ nổ mìn) với Nguyễn Trọng T, với mục đích để H được thi công tuyến đường lên mỏ Núi Ngàng. Sau đó, H và T đã trao đổi, bàn bạc và thống nhất để Công ty Ngọc T4 là đơn vị thi công tuyến đường cho Công ty Tuyên H10 theo hình thức khoán trọn gói, đồng thời cả hai bên công ty cùng chuẩn bị các hồ sơ pháp lý liên quan đến việc xin UBND huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái chấp thuận chủ trương làm đường lên mỏ Núi Ngàng. Quá trình làm hồ sơ, Lăng Đức H đã nhờ Đinh Tiến H3 liên hệ để giúp H hoàn thiện các hồ sơ pháp lý có liên quan. Đinh Tiến H3 nhận lời và đã liên hệ với bà Hoàng Thị Duyên - Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái đề nghị giúp Lăng Đức H hoàn thiện hồ sơ xin chấp thuận chủ trương làm đường lên mỏ Núi Ngàng cho Công ty Tuyên H10 theo đúng quy định của pháp luật. Đến ngày 15/9/2020, UBND huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái đã ban hành Văn bản số 1521/UBND-KTHT về việc chấp thuận chủ trương đầu tư xây dựng Dự án sửa chữa, nâng cấp đường vào mỏ Công ty Tuyên H10 tại Núi Ngàng, xã Cảm Nhân, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.

Ngày 18/9/2020, Công ty Tuyên H10 đã ký Hợp đồng khoan nổ mìn số 26/KNNM với Công ty Ngọc T4 để thực hiện hoạt động nổ mìn, phá đá, cải tạo mặt bằng tuyến đường để thi công công trình nêu trên. Khoảng đầu tháng 10/2020, Công ty Ngọc T4 tiến hành vận chuyển các phương tiện, máy móc, vật tư, thiết bị

để thi công tuyến đường đồng thời làm thủ tục xin cấp giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp theo quy định của pháp luật. Lãng Đức H đã giao trách nhiệm cho Bùi Minh Đ trong việc quản lý, giám sát, sử dụng vật liệu nổ và thi công tuyến đường.

Trong thời gian đầu tháng 10/2020, Lãng Đức H tiến hành kiểm tra thực địa, khảo sát tuyến đường thì phát hiện ra một cửa hầm có sẵn nằm phía bên trái, cách điểm đầu tuyến đường thi công 162m thuộc thôn Làng Rẫy, xã Cẩm Nhân, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái (thường gọi là mỏ dưới). H không biết vị trí này nằm trong diện tích đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp giấy phép thăm dò khoáng sản cho Công ty cổ phần khoáng sản Tây Gi - Yên Bình (gọi tắt là Công ty Tây Gi - Yên Bình). Lúc này, khu vực cửa hầm đã bị vùi lấp tạo thành nền đường. H đã chỉ đạo Bùi Minh Đ cho công nhân tiến hành nổ mìn để lấy đá tận dụng làm đường, nếu thấy có quặng chì-kẽm thì tách ra, sẽ có hướng xử lý sau. Bùi Minh Đ đồng ý và giao cho một số công nhân thực hiện (quá trình điều tra không đủ căn cứ xác định được là ai). Đến ngày 29/11/2020, Đ tiếp tục giao cho Đàm Văn T3, Hoàng Văn T5 và Trần Xuân H9 trực tiếp thực hiện việc khoan nổ mìn tại mỏ dưới. Sau khi nổ mìn xong thì cho công nhân vào bốc xúc, tách đá, quặng và tập kết ra ngoài hầm lò. Tại thời điểm phát hiện ra mỏ dưới, Lãng Đức H tiếp tục phát hiện có những hầm lò đã khai thác từ trước tại mỏ chì-kẽm Núi Ngàng thuộc quyền quản lý của Công ty Tuyên H10 (thường gọi là mỏ trên). Do trước đó, H đã được Đinh Tiến H3 nói sau khi làm đường xong và mỏ của Công ty Tuyên H10 được cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản sẽ giới thiệu cho Lãng Đức H được quyền khai thác quặng thuê cho Công ty Tuyên H10. Vì vậy, Lãng Đức H nảy sinh ý định khai thác đá để làm đường đồng thời bóc tách quặng với mục đích xem xét các mạch quặng, hàm lượng, trữ lượng và dọn dẹp các hầm lò đã có sẵn để phục vụ cho việc khai thác thuê sau này. Do đó, khoảng giữa tháng 10/2020, Lãng Đức H đã gặp Nguyễn Trọng T khởi xướng, đề xuất việc cho phép Công ty Ngọc T4 tiến hành nổ mìn trong các hầm lò có sẵn của Công ty Tuyên H10 để lấy đá làm đường nhằm tiết kiệm chi phí. Nguyễn Trọng T trả lời tiếp nhận ý kiến đề xuất của Lãng Đức H để báo cáo lại với Nguyễn Văn H1.

Theo Cáo trạng thì khoảng 17 giờ ngày 18/10/2020 (sau ngày H đã khởi xướng việc khai thác tách quặng với T), Nguyễn Trọng T, Nguyễn Văn H1 đã gặp Đinh Tiến H3 tại quán cà phê Đồng T4, đường Yên Ninh, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái. Tại cuộc gặp này, Đinh Tiến H3 đặt vấn đề với H1 và T với nội dung: *Các ông có mỏ, tôi thì có "quan hệ". Bây giờ đang tiện việc làm đường thì cứ tiến hành khai thác quặng luôn. Tôi sẽ đứng ra lo "quan hệ, cơ chế" còn "H4 lùn" đi tìm người về để khai thác quặng. Sau khi khai thác và bán được quặng thì tính toán trừ chi phí quan hệ, chi phí sản xuất thì tôi sẽ lấy 1/3 lợi nhuận, 2/3 còn lại là của Công ty Tuyên H10 và H4 lùn.* Sau khi nghe lời đề nghị của Đinh Tiến H3 thì

Nguyễn Văn H1 và Nguyễn Trọng T đều đồng ý. Tuy nhiên, Đinh Tiến H3 không thừa nhận có nội dung bàn bạc này.

Khoảng cuối tháng 10/2020, Nguyễn Văn H1 và Nguyễn Trọng T đã thống nhất để cho Công ty Ngọc T4 tiến hành nổ mìn trong các hầm lò của Công ty Tuyên H10 tại mỏ Núi Ngàng để lấy đá làm đường, kết hợp cùng với việc bóc tách quặng. Sau đó, Nguyễn Trọng T đã trao đổi với Lăng Đức H để thực hiện, đồng thời T cũng bảo Nguyễn Mạnh H4 tìm người đưa lên mỏ khai thác quặng. Tiếp đó, T thông báo cho Bùi Mạnh H2 về việc thời gian tới sẽ có Nguyễn Mạnh H4 đến mỏ Núi Ngàng để khai thác đá và bóc tách quặng. Bùi Mạnh H2 đã báo cáo nội dung trên với Nguyễn Văn H1 thì H1 chỉ đạo Bùi Mạnh H2 chủ động phối hợp với Nguyễn Trọng T để thực hiện. Tại nhà điều hành trên mỏ Núi Ngàng của Công ty Tuyên H10, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Trọng T, Bùi Mạnh H2 đã gặp nhau bàn bạc thống nhất để Bùi Mạnh H2 nhận hộ vật liệu nổ từ Bùi Minh Đ là người của Công ty Ngọc T4 để sử dụng tại mỏ Núi Ngàng.

Trong khoảng thời gian này, Nguyễn Mạnh H4 đã tìm được Ngô Thanh S là đối tượng chuyên khai thác quặng thuê. Ngô Thanh S cũng thông qua các mối quan hệ của mình đã liên hệ rủ được nhiều người ở các địa phương khác nhau lên mỏ Núi Ngàng cùng làm việc khai thác đá, tách quặng. Đồng thời, Nguyễn Mạnh H4 cũng tìm được Nguyễn Văn Ph đưa lên làm hóa nghiệm để phân tích hàm lượng quặng khai thác được tại mỏ Núi Ngàng. Cuối tháng 10/2020, Bùi Mạnh H2 lên mỏ Núi Ngàng thì gặp Nguyễn Mạnh H4 và Ngô Thanh S. Tại đây, Nguyễn Mạnh H4 giới thiệu mình là quân của Nguyễn Trọng T, đến để triển khai công việc đã thống nhất với T; Nguyễn Mạnh H4 giới thiệu cho Bùi Mạnh H2 biết Ngô Thanh S là người chịu trách nhiệm khai thác đá, tách quặng tại mỏ; giới thiệu cho S biết Bùi Mạnh H2 là Phó Giám đốc Công ty Tuyên H10. Bùi Mạnh H2 dặn S phải làm thủ tục đăng ký tạm trú. Đầu tháng 11/2020, S bắt đầu vận chuyển máy móc, thiết bị, vật tư lên mỏ Núi Ngàng để phục vụ việc khai thác đá, tách quặng. Ngày 06/11/2020, Nguyễn Văn H1 gọi điện thoại chỉ đạo Bùi Mạnh H2 về mỏ Núi Ngàng để triển khai việc khai thác đá, bóc tách quặng chì-kẽm và giám sát việc làm đường. Buổi tối ngày 08/11/2020, Bùi Mạnh H2 về mỏ Núi Ngàng thì gặp Nguyễn Mạnh H4 và Ngô Thanh S. Nguyễn Mạnh H4 tiếp tục nói cho Bùi Mạnh H2 biết Ngô Thanh S là người chịu trách nhiệm khai thác đá, bóc tách quặng tại mỏ, bảo S có việc gì thì liên hệ với Bùi Mạnh H2 và Hoàng Thị T5 (Bảo vệ của Công ty Tuyên H10), sau đó Nguyễn Mạnh H4 rời khỏi mỏ.

Sáng ngày 09/11/2020, Bùi Mạnh H2 chỉ chỗ cho Ngô Thanh S triển khai việc khoan đá tại hào khoan địa chất. Sau khi khoan xong, Ngô Thanh S báo cáo Bùi Mạnh H2 là cần có vật liệu nổ mới khai thác được. Bùi Mạnh H2 đã gọi điện thoại cho Bùi Minh Đ, giới thiệu là người của Công ty Tuyên H10, đề nghị Bùi Minh Đ cấp vật liệu nổ. Bùi Minh Đ trực tiếp lên mỏ Núi Ngàng (mỏ trên) kiểm tra các lỗ khoan sau đó cấp vật liệu nổ cho Bùi Mạnh H2 và đề nghị Bùi Mạnh

H2 cùng tham gia giám sát việc nổ mìn. Bùi Mạnh H2 đã nhận hộ và giám sát việc sử dụng vật liệu nổ đến hết ngày 12/11/2020 thì rời khỏi mỏ. Sau khi Bùi Mạnh H2 rời mỏ thì Bùi Minh Đ giao vật liệu nổ cho Ngô Thanh S để tiếp tục sử dụng.

Khoảng đầu tháng 11/2020, Lăng Đức H đề nghị Lưu Bằng Đ1 tham gia hỗ trợ, phối hợp cùng Bùi Minh Đ trong việc thi công tuyến đường đồng thời vận chuyển giúp các máy móc, vật tư, thiết bị để phục vụ công trình làm đường lên mỏ Núi Ngàng. Lưu Bằng Đ1 đến hiện trường khai thác và biết rõ Lăng Đức H, Bùi Minh Đ đang khai thác khoáng sản trái phép tại mỏ dưới và mỏ trên nhưng vẫn đồng ý. Lăng Đức H đã chỉ đạo Lưu Bằng Đ1 tham gia quản lý, giám sát mọi hoạt động khai thác khoáng sản ở tất cả các vị trí nêu trên, nếu có vấn đề khó khăn vướng mắc thì báo cáo Lăng Đức H giải quyết.

Để có vật liệu nổ phục vụ việc khai thác đá, bóc tách quặng, trong khoảng thời gian từ tháng 11/2020 đến tháng 12/2020, Lăng Đức H chỉ đạo Bùi Minh Đ khi nào cần cấp vật liệu nổ thì báo cáo H, H sẽ chỉ đạo Trần Đắc V cân đối số lượng vật liệu nổ có trong kho và sắp xếp, bố trí vận chuyển đến cho Bùi Minh Đ, không cần thiết phải có giấy phép vận chuyển vật liệu nổ. Về việc tổ chức vận chuyển vật liệu nổ: Lăng Đức H chỉ đạo Trần Đắc V, Nguyễn Văn B có trách nhiệm chuẩn bị phương tiện vận chuyển bằng thuyền. Trần Đắc V, Nguyễn Văn B, Bùi Minh Đ chủ động liên hệ, sắp xếp thời gian và phối hợp với nhau để vận chuyển vật liệu nổ. Ngoài ra, Lăng Đức H cũng trực tiếp thực hiện vận chuyển vật liệu nổ bằng ô tô và thuyền. Đối với một số chuyến có giấy phép vận chuyển vật liệu nổ đến công trình khác, Lăng Đức H chỉ đạo Trần Đắc V xuất kho vật liệu nổ vượt quá số lượng cho phép để vận chuyển lên mỏ Núi Ngàng.

Theo Cáo trạng: Khoảng ngày 18, 19/12/2020, Lăng Đức H gọi điện bảo Lưu Bằng Đ1 qua văn phòng Công ty Ngọc T4 lấy cặp tài liệu và xe bán tải màu trắng của Công ty để đi lên bến Mỹ Gia và liên hệ với Trần Đắc V để nhận hàng. Trần Đắc V đã gọi điện cho Lưu Bằng Đ1 và dặn khi nào đến bến Mỹ Gia thì gọi điện cho Nguyễn Văn B để nhận hàng. Sáng ngày 19/12/2020, Lưu Bằng Đ1 đã liên hệ với Nguyễn Văn B và nhận 04 bao tải xác rắn chở từ bến Mỹ Gia lên mỏ Núi Ngàng (mỏ dưới) giao cho công nhân. Chiều cùng ngày, Bùi Minh Đ lên mỏ gặp Lưu Bằng Đ1, Đ1 bàn giao cặp tài liệu cho Bùi Minh Đ, thì Đ1 thấy tài liệu có chữ ký của ông Đặng Văn Chữ - Phó Trưởng phòng PC06 - Công an tỉnh Yên Bái, mới biết 04 bao tải Lưu Bằng Đ1 vận chuyển là thuốc nổ. Sau đó Bùi Minh Đ gọi điện cho Trần Đắc V hỏi xuất bao nhiêu thuốc nổ, V nói xuất 04 bao bằng 96 kg thuốc nổ nhũ tương. Đ kiểm tra thấy chỉ có 03 bao tải, Đ đã thông báo cho V biết, V gọi cho Đ1, Đ1 xác nhận vận chuyển 04 bao tải và bảo Đ kiểm tra phía công nhân, Đ kiểm tra thì biết Đàm Văn T3 đã đem sử dụng hết 01 bao = 24 kg thuốc nổ nhũ tương. Còn lại 03 bao thuốc nổ nhũ tương tiếp tục được sử dụng khai thác quặng chì-kẽm tại mỏ Núi Ngàng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa,

Trần Đắc V không thừa nhận xuất kho vật liệu nổ ngày 19/12/2020; Nguyễn Văn B thừa nhận ngày 19/12/2020 có vận chuyển 04 bao tải xác rắn giao cho Lưu Bằng Đ1, nhưng không biết có chứa vật liệu nổ hay không.

Sáng ngày 30/12/2020, Lãng Đức H gọi điện thoại cho Trần Đắc V xuất kho vật liệu nổ để vận chuyển lên mỏ Núi Ngàng, do V không có mặt ở kho vật liệu nổ nên H chỉ đạo Trần Văn Kh - Phó Giám đốc Công ty Ngọc T4 dùng chìa khóa mở cửa kho để xuất kho vật liệu nổ. Kh có gọi điện thoại thông báo cho Trần Đắc V để V gọi điện cho Nguyễn Văn B bố trí thuyền vận chuyển vật liệu nổ từ bến YBB sang bến Mỹ Gia giao cho Bùi Minh Đ. B ra bến YBB gặp V thấy gió to chưa vận chuyển được, V nói với B khi nào lặng gió thì đi. Khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày, V bảo B đi được rồi thì B đồng ý, nên V gọi điện cho Vũ Văn Q1 chở hộ vật liệu nổ từ cổng kho vật liệu nổ đến bến YBB. Đến khoảng 11 giờ 30 phút, B nhận vật liệu nổ từ Q1 rồi vận chuyển bằng thuyền trên hồ Thác Bà từ bến YBB đến bến Mỹ Gia giao cho Bùi Minh Đ. Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 30/12/2020, Bùi Minh Đ điều khiển xe ô tô bán tải, biển kiểm soát 34C-154.82 vận chuyển vật liệu nổ đi đến khu vực thôn Đồng T4, xã Mỹ Gia, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái, thì bị Cơ quan An ninh điều tra - Công an tỉnh Yên Bái bắt quả tang, thu giữ 150kg thuốc nổ Amonit, 144kg thuốc nổ nhũ tương, 200 kíp điện K8, 200 kíp điện visai, 1500m dây điện mạng. Tiến hành khám xét nơi làm việc của Bùi Minh Đức tại thôn Làng Rẫy, xã Cẩm Nhân, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái đã thu giữ 11kg thuốc nổ Amonit, 40kg thuốc nổ Nhũ tương. (Theo Kết luận giám định số 88/C09-P2 ngày 06/01/2021 và Kết luận giám định số 1708/C09-P2 ngày 09/4/2021 của Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an).

Căn cứ vào sổ sách ghi chép, giấy tờ liên quan đến hoạt động cấp phát, sử dụng vật liệu nổ tại mỏ Núi Ngàng và lời khai của Bùi Minh Đ, Cơ quan điều tra xác định tổng số vật liệu nổ Công ty Ngọc T4 đã vận chuyển đến Núi Ngàng 3113kg thuốc nổ các loại và 3791 kíp nổ các loại (số vật liệu nổ không có giấy phép vận chuyển là 2244,2kg thuốc nổ các loại và 2928 kíp nổ các loại; số vật liệu nổ được Phòng PC06 - Công an tỉnh Yên Bái cấp giấy phép vận chuyển là 868,8kg thuốc nổ các loại và 863 kíp nổ các loại). Số vật liệu nổ đã sử dụng trái phép là 2768kg thuốc nổ các loại và 3391 kíp nổ các loại (số liệu được ghi chép trong sổ của Bùi Minh Đ là 2268kg thuốc nổ và 3391 kíp nổ, trong đó: Số vật liệu nổ sử dụng trái phép tại mỏ của Công ty Tuyên H10 là 1726,4kg thuốc nổ các loại và 2325 kíp nổ các loại; Số vật liệu nổ đã sử dụng nhưng không ghi chép là 500kg thuốc nổ và 500 kíp nổ)

Ngày 04/01/2021, Cơ quan điều tra tiến hành khám nghiệm hiện trường tại khu vực mỏ Núi Ngàng, thôn Làng Rẫy, xã Cẩm Nhân, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái và tổ chức định giá số khoáng sản khai thác trái phép.

Tại Kết luận giám định số 100/C09-P4 ngày 12/01/2021 của Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an và Kết luận định giá tài sản số 469/KL-HĐĐG ngày 23/3/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Yên Bái, kết luận cụ thể như sau:

- Tại mỏ trên (mỏ của Công ty trách nhiệm hữu hạn Tuyên H10): Tạm giữ tổng cộng là 1.073,90242 tấn đá chứa quặng chì-kẽm (quặng galenit-sphalerit), hàm lượng chì 10,49%; kẽm 0,10%; tại thời điểm định giá ngày 30/12/2020 có giá trị 2.008.197.525,40 đồng.

- Tại mỏ dưới (mỏ của Công ty khoáng sản Tây Gi - Yên Bình): Tạm giữ 22,50732 tấn đá chứa quặng chì-kẽm (quặng galenit-sphalerit), hàm lượng chì 0,79%; kẽm 0,10%, tại thời điểm định giá ngày 30/12/2020 có giá trị 18.005.856 đồng.

Theo kết quả định giá tài sản số khoáng sản thu giữ ở hai mỏ là 2.026.203.381 đồng (Hai tỷ không trăm hai mươi sáu triệu hai trăm linh ba nghìn ba trăm tám mươi một đồng).

Tại Cáo trạng số 06/CT-VKS-P1 ngày 13/02/2023, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái đã quyết định:

- Truy tố các bị cáo Lăng Đức H, Bùi Minh Đ về tội “Vận chuyển, sử dụng trái phép vật liệu nổ” theo điểm a khoản 4 Điều 305 Bộ luật Hình sự và tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên” theo điểm b, c khoản 2 Điều 227 Bộ luật Hình sự.

- Truy tố các bị cáo Nguyễn Trọng T, Nguyễn Văn H1, Bùi Mạnh H2 về tội “Sử dụng trái phép vật liệu nổ” theo điểm a khoản 4 Điều 305 Bộ luật Hình sự và tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên” theo điểm b, c khoản 2 Điều 227 Bộ luật Hình sự.

- Truy tố các bị cáo Nguyễn Văn B, Trần Đắc V về tội “Vận chuyển trái phép vật liệu nổ” theo điểm a khoản 4 Điều 305 Bộ luật Hình sự.

- Truy tố các bị cáo Đinh Tiến H3, Lưu Bằng Đ1, Nguyễn Mạnh H4 về tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên” theo điểm b, c khoản 2 Điều 227 Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 44/2023/HS-ST ngày 07/11/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái đã quyết định:

1. Về tội danh:

- Tuyên bố các bị cáo Lăng Đức H, Bùi Minh Đ phạm tội “Vận chuyển, sử dụng trái phép vật liệu nổ” và tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên”.

- Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Trọng T, Nguyễn Văn H1, Bùi Mạnh H2 phạm tội “Sử dụng trái phép vật liệu nổ” và tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên”.

- Tuyên bố các bị cáo Trần Đắc V, Nguyễn Văn B phạm tội “Vận chuyển

trái phép vật liệu nổ”.

- Tuyên bố bị cáo Đinh Tiến H3 không có tội. Việc khôi phục quyền và lợi ích hợp pháp của bị cáo Đinh Tiến H3 được giải quyết theo quy định của pháp luật.

2. Về hình phạt:

2.1. Đối với bị cáo Lăng Đức H:

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 305; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a, c, g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo 16 (Mười sáu) năm tù về tội “Vận chuyển, sử dụng trái phép vật liệu nổ”.

Căn cứ điểm b, c khoản 2, khoản 3 Điều 227; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo 03 (Ba) năm tù; phạt bổ sung 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) về tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên”.

Căn cứ Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Lăng Đức H phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 19 (Mười chín) năm tù; phạt tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng). Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt, tạm giữ 18/01/2021.

2.2. Đối với bị cáo Nguyễn Văn H1:

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 305; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo 15 (Mười lăm) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Sử dụng trái phép vật liệu nổ”.

Căn cứ điểm b, c khoản 2, khoản 3 Điều 227; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm c khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù; phạt bổ sung 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) về tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên”.

Căn cứ Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Văn H1 phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 18 (Mười tám) năm tù, phạt tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng). Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt, tạm giam 01/11/2021.

2.3. Đối với bị cáo Bùi Minh Đ:

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 305; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo 15 (Mười lăm) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Vận chuyển, sử dụng trái phép vật liệu nổ”.

Căn cứ điểm b, c khoản 2, khoản 3 Điều 227; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo 02 (Hai) năm tù; phạt bổ sung: 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) về tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên”.

Căn cứ Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Bùi Minh Đ phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 17 (Mười bảy) năm 06 (Sáu) tháng tù, phạt tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng). Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt, tạm giam 18/01/2021, được khấu trừ 09 ngày tạm giữ (từ ngày 31/12/2020 đến ngày 08/01/2021).

2.4. Đối với bị cáo Nguyễn Trọng T:

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 305; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo 12 (Mười hai) năm tù về tội “Sử dụng trái phép vật liệu nổ”.

Căn cứ điểm b, c khoản 2, khoản 3 Điều 227; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo 02 (Hai) năm tù; phạt bổ sung 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) về tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên”

Căn cứ Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Trọng T phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 14 (Mười bốn) năm tù, phạt tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng). Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt, tạm giam 07/10/2021.

2.5. Đối với bị cáo Bùi Mạnh H2:

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 305; điểm o, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo 15 (Mười lăm) năm tù về tội “Sử dụng trái phép vật liệu nổ”;

Căn cứ điểm b, c khoản 2, khoản 3 Điều 227; điểm o, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo 02 (Hai) năm tù; phạt bổ sung: 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) về tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên”.

Căn cứ Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Bùi Mạnh H2 phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 17 (Mười bảy) năm tù; phạt tiền: 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng). Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt, tạm giam 03/3/2021.

2.6. Đối với bị cáo Nguyễn Văn B:

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 305; điểm s, t khoản 1 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo 15 (Mười lăm) năm tù về tội “Vận chuyển trái phép vật liệu nổ”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/4/2021.

2.7. Đối với bị cáo Trần Đắc V:

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 305; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo 10 (Mười) năm tù về tội “Vận chuyển trái phép vật liệu nổ”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11/5/2021.

3. Kiến nghị Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội khởi tố, truy tố Trần Văn Kh về tội "Vận chuyển trái phép vật liệu nổ".

4. Kiến nghị Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội điều tra, xem xét xử lý trách nhiệm pháp nhân đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại Ngọc T4 và Công ty trách nhiệm hữu hạn Tuyên Huy theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo Lưu Bằng Đ1, Nguyễn Mạnh H4; biện pháp tư pháp; xử lý vật chứng; án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 14/11/2023, các bị cáo Nguyễn Trọng T, Nguyễn Văn H1, Bùi Mạnh H2 kháng cáo xin giảm hình phạt; bị cáo Trần Đắc V kháng cáo xin giảm hình phạt và xin được hưởng án treo.

Ngày 15/11/2023, các bị cáo Lăng Đức H, Bùi Minh Đ kháng cáo xin giảm hình phạt;

Ngày 21/11/2023, bị cáo Nguyễn Văn B kháng cáo xin giảm hình phạt;

Ngày 17/11/2023, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái có Quyết định kháng nghị số 12/QĐ-VKS-P1 đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội căn cứ điểm a khoản 2 Điều 357, điểm c khoản 2 Điều 358 Bộ luật tố tụng hình sự xét xử lại vụ án theo hướng: Bị cáo Đinh Tiến H3 đã phạm tội "Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên"; các bị cáo Trần Đắc V, Nguyễn Văn B đã thực hiện hành vi phạm tội "Vận chuyển trái phép vật liệu nổ" vào ngày 19/12/2020; không cho bị cáo V hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo điểm s, t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, áp dụng tình tiết tăng nặng theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự và tăng hình phạt đối với bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Lăng Đức H vẫn giữ nội dung kháng cáo xin giảm hình phạt đối với tội "Vận chuyển, sử dụng trái phép vật liệu nổ" do bị cáo thiếu hiểu biết mà phạm tội. Bản thân bị cáo không tham gia vào việc khai thác tài nguyên nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về tội danh "Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên"

Bị cáo Nguyễn Trọng T thay đổi kháng cáo sang kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, Công ty Tuyên H10 không sử dụng vật liệu nổ nên bị cáo không phạm tội; không có việc bị cáo kháng cáo đề nghị xem xét bỏ lọt hành vi của Đinh Tiến H3. Về tội "Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên" bị cáo đề nghị xem xét lại khối lượng, hàm lượng quặng để xem xét hình phạt đối với bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Văn H1 giữ nguyên nội dung kháng cáo và đề nghị xem xét lại khối lượng, hàm lượng quặng để xem xét hình phạt đối với "Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên" và đề nghị xem xét lại tội danh "Sử dụng trái phép vật liệu nổ".

Bị cáo Bùi Mạnh H4 giữ nguyên kháng cáo xin giảm hình phạt, đề nghị xem xét khối lượng, hàm lượng quặng, bị cáo chỉ làm theo sự chỉ đạo của giám đốc Công ty.

Bị cáo Bùi Minh Đ giữ nguyên kháng cáo, đề nghị xem xét tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên” vì bị cáo chỉ là công nhân làm việc theo chỉ đạo của lãnh đạo Công ty. Về tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên” đề nghị xem xét lại khối lượng, hàm lượng quặng để giảm hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Trần Đắc V giữ nguyên kháng cáo xin giảm hình phạt và xin hưởng án treo, bị cáo chỉ là người làm công ăn lương, theo sự chỉ đạo của lãnh đạo Công ty. Về nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái đối với bị cáo thì đề nghị xem xét theo pháp luật cho bị cáo vì đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét rồi.

Bị cáo Nguyễn Văn B vẫn giữ nguyên kháng cáo và đề nghị xem xét bị cáo là người làm công ăn lương, theo chỉ đạo của lãnh đạo Công ty, đề nghị xem xét lại nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái đối với bị cáo.

Bị cáo Đinh Tiến H3 không nhất trí với nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng nghị, giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội vẫn giữ nguyên Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 12/QĐ-VKS-P1 ngày 17/11/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái; sau khi tóm tắt nội dung vụ án, phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, có quan điểm:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Kháng cáo của các bị cáo Lăng Đức H, Nguyễn Trọng T, Nguyễn Văn H1, Bùi Mạnh H2, Bùi Minh Đ, Trần Đắc V, Nguyễn Văn B và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái trong hạn luật định, được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái quy kết các bị cáo Lăng Đức H, Nguyễn Trọng T, Nguyễn Văn H1, Bùi Mạnh H2, Bùi Minh Đ, Trần Đắc V, Nguyễn Văn B về tội danh và điều luật áp dụng là có căn cứ, tuy nhiên, cấp sơ thẩm xác định hành vi phạm tội của các bị cáo là “có tổ chức” là chưa chính xác vì trong vụ án này các bị cáo chỉ phạm tội với tính chất đồng phạm giản đơn. Việc phân hóa vai trò, trách nhiệm, quyết định hình phạt đối với các bị cáo là chưa phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo.

Đối với hành vi vận chuyển vật liệu nổ của các bị cáo Trần Đắc V, Nguyễn Văn B và Lưu Bằng Đ1: Bị cáo V đã sắp xếp nhân sự, phương tiện để vận chuyển 4 bao vật liệu nổ nhũ tương, giao cho đối tượng Q1 vận chuyển vật liệu nổ giao cho Nguyễn Văn B, V đã gọi điện thoại cho Lưu Bằng Đ1 đến gặp B để nhận

thuốc nổ. Bùi Minh Đ đã gọi cho V hỏi số lượng thuốc nổ đã giao, V hỏi lại Đ1 để xác nhận. Tang vật thu giữ 40kg vật liệu nổ. Đủ cơ sở kết luận ngày 19/12/2020 các bị cáo Trần Đắc V, Nguyễn Văn B, Lưu Bằng Đ1 vận chuyển 04 bao tải thuốc nổ khi vận chuyển số thuốc nổ này không có giấy tờ của cơ quan có thẩm quyền cho phép, đủ căn cứ xác định các bị cáo Trần Đắc V, Nguyễn Văn B vận chuyển trái phép vật liệu nổ ngày 19/12/2020. Việc không quy kết, xử lý trách nhiệm đối với hành vi của Trần Đắc V, Nguyễn Văn B ngày 19/12/2020 là bỏ lọt hành vi phạm tội. Ngoài ra còn bỏ lọt hành vi vận chuyển trái phép vật liệu nổ của Lưu Bằng Đ1 vì Đ1 biết rõ mỏ chưa được cấp phép, biết giờ quy định nổ mìn là 11 giờ và 17 giờ hàng ngày, công nhân sử dụng trái phép vật liệu nổ để khai thác mỏ, còn nhắc nhở chấn chỉnh Bùi Minh Đ việc nổ mìn sai giờ. Lưu Bằng Đ1 giúp sức khai thác, quản lý, điều hành mỏ Núi Ngàng.

Đối với hành vi vận chuyển, sử dụng trái phép vật liệu nổ và khai thác tài nguyên trái phép:

Ngày 18/10/2020 Đinh Tiến H3 và Nguyễn Trọng T, Nguyễn Văn H1 gặp nhau tại quán cà phê Đồng T4, thành phố Yên Bái. Tại cuộc gặp này 3 bị cáo thỏa thuận việc khai thác quặng và phân chia lợi nhuận. Đinh Tiến H3 nhiều lần liên lạc với H4 lùn về việc tìm người đưa đến mỏ khai thác. Lời khai của Nguyễn Mạnh H4 không được Đinh Tiến H3 thừa nhận. Có mâu thuẫn về lời khai tuy nhiên căn cứ lời khai của Nguyễn Mạnh H4, Bùi Mạnh H2 và Nguyễn Trọng T, các tài liệu khác như quá trình gọi điện thoại liên lạc trao đổi giữa các bị cáo, có đủ căn cứ xác định lời khai của Nguyễn Mạnh H4 là có cơ sở, phù hợp khách quan. Có đủ căn cứ xác định Đinh Tiến H3 có vai trò quan trọng trong việc tìm người khai thác mỏ, liên hệ cử người nhận, vận chuyển, sử dụng vật liệu nổ trái phép để khai thác mỏ. Việc tuyên bố Đinh Tiến H3 không phạm tội là chưa đánh giá đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, lời khai của các bị cáo trong cùng vụ án, các tang vật chứng thu giữ, các dữ liệu điện tử, sự kiện gặp gỡ giữa các bị cáo ngày 18/10/2020, quá trình giao dịch chuyển tiền qua ngân hàng giữa Đinh Tiến H3, Lăng Đức H, Nguyễn Trọng T, Bùi Mạnh H2; có đủ căn cứ xác định Đinh Tiến H3 phạm tội như nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái đã nêu.

Do đó, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái là có căn cứ, cần được xem xét chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái, chấp nhận kháng cáo của các bị cáo (trừ bị cáo H), căn cứ khoản 1 Điều 358 Bộ luật tố tụng hình sự, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại vụ án (kể cả đối với các bị cáo không kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị).

Người bào chữa cho các bị cáo Lăng Đức H, Trần Đắc V nhất trí với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại và đề nghị không áp dụng tình tiết phạm tội

có tổ chức đối với các bị cáo; áp dụng tình tiết bị cáo Hân đến cơ quan Công an “tự thú”, hậu quả của hành vi phạm tội chưa xảy ra, đề nghị áp dụng thêm cho các bị cáo H, V khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự để quyết định dưới khung hình phạt cho các bị cáo H, V.

Chưa đủ căn cứ xác định bị cáo V vận chuyển 96kg thuốc nổ ngày 19/12/2020 nên đề nghị không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái đối với bị cáo V.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Trọng T có quan điểm: Việc xét xử vụ án của cấp sơ thẩm là chưa đảm bảo khách quan, chưa đúng quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại, vì:

Việc xác định khối lượng, hàm lượng đất, đá, quặng là chưa chính xác, do người không có trình độ chuyên môn nghiệp vụ tiến hành là vi phạm Luật đo lường và Thông tư số 03. Về phương pháp đo, tạo hình mẫu quặng để giám định cũng không đảm bảo quy định pháp luật. Chưa làm rõ vai trò, trách nhiệm, vị trí, ý thức chủ quan của bị cáo T trong vụ án, từ đó quyết định hành vi phạm tội và hình phạt đối với bị cáo T là chưa chính xác. Đại diện Viện kiểm sát cấp cao tại Hà Nội nhận định chứng cứ giữa các bị cáo Nguyễn Trọng T, Đinh Tiến H3 là có phần suy diễn, chưa đảm bảo tính pháp lý. Nhận định của bản án sơ thẩm là có căn cứ. Về số lượng hơn 1,7 tấn thuốc nổ quy kết cho bị cáo Nguyễn Trọng T cũng không chính xác, không đủ căn cứ kết tội bị cáo Nguyễn Trọng T về tội “Sử dụng trái phép vật liệu nổ”. Chưa có tài liệu xác định số lượng thuốc nổ đã nổ là thuốc nổ hay dạng gì khác?

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn H1 không đồng tình về việc quy kết về tội danh và hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn H1, cấp sơ thẩm chưa thực hiện hết trách nhiệm trong quá trình điều tra, chưa thu thập đánh giá mẫu quặng, hàm lượng, khối lượng quặng đúng quy định đúng quy định nên việc xét xử bị cáo về tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên” là chưa đảm bảo, chưa đủ căn cứ pháp luật. Đối với hành vi “Sử dụng trái phép vật liệu nổ” cũng chưa được xem xét làm rõ, chưa đảm bảo căn cứ, chưa xác định đúng vai trò, trách nhiệm của các bị cáo, chưa làm rõ ý thức chủ quan của bị cáo Nguyễn Văn H1. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại toàn bộ vụ án như quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Bùi Mạnh H2 có quan điểm về tội danh như đã nêu đối với bị cáo H1 và nhất trí với đề nghị hủy bản án sơ thẩm của đại diện Viện kiểm sát. Ngoài ra, nếu không hủy án sơ thẩm thì đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ, áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự xử bị cáo Bùi Mạnh H2 mức án dưới khung hình phạt.

Người bào chữa cho bị cáo Bùi Minh Đ đề nghị xem xét việc bị cáo đã nhận tội “Vận chuyển trái phép vật liệu nổ”, vai trò, tính chất, việc xác định bị cáo phạm tội có tổ chức là không đúng, bị cáo chỉ là người làm công ăn lương. Đối với tội

“Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên” luật sư không đồng tình với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát vì chưa chứng minh được hành vi của bị cáo như các luật sư đồng nghiệp đã nêu về khối lượng, hàm lượng, phương pháp thu thập mẫu quặng, kết luận về giá chưa đúng quy định, chưa đảm bảo khách quan để quy kết các bị cáo phạm tội. Bị cáo là người làm công ăn lương nên vai trò trách nhiệm có hạn chế. Luật sư nhất trí với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn B nhất trí với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc hủy bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại, xác định rõ vai trò của bị cáo B trong vụ án. Đối với nội dung kháng nghị bỏ lọt hành vi vận chuyển trái phép vật liệu nổ ngày 19/12/2020 của bị cáo B là không có căn cứ chấp nhận.

Bị cáo Đinh Tiến H3 không đồng ý với quan điểm của đại diện viện kiểm sát, việc quy kết của Viện kiểm sát là quy chụp, không có tài liệu, chứng cứ cụ thể nào chứng minh việc bàn bạc, thỏa thuận giữa bị cáo với Nguyễn Văn H1, Nguyễn Trọng T. Quá trình làm ăn giao dịch dân sự giữa bị cáo với Lăng Đức H không có gì phi pháp, việc vay mượn tiền giữa bị cáo và Lăng Đức H không nhất thiết phải có hợp đồng vay tiền, Viện kiểm sát đã quy chụp, suy diễn về mối quan hệ này. Viện kiểm sát còn quy chụp bị cáo gọi cho Nguyễn Trọng T bố trí người nhận vật liệu nổ, Viện kiểm sát nêu có hơn 200 cuộc gọi điện thoại giữa bị cáo với Nguyễn Mạnh H4, Lăng Đức H là không phù hợp, không thể có số lượng cuộc gọi nhiều như thế được. Về số tiền 200 triệu đồng bị cáo chuyển khoản cho Nguyễn Mạnh H4, tiền điện... không có cơ sở chứng minh là bị cáo có liên quan đến việc phạm tội. Việc chứng minh bị cáo sử dụng vật liệu nổ là không khách quan, bị cáo Nguyễn Trọng T có tố cáo bị cáo hay không thì không được cho hỏi đáp làm rõ tại phiên tòa, bị cáo khẳng định không phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái, giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Đinh Tiến H3 có quan điểm: Các tài liệu, chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo Đinh Tiến H3 như đại diện Viện kiểm sát nêu và lập luận tại phiên tòa là chưa đảm bảo tính khách quan, chưa đủ căn cứ vững chắc, chưa đánh giá hết lời khai của bị cáo Đinh Tiến H3 và các bị cáo khác. Lời khai của các bị cáo còn nhiều mâu thuẫn, có những lời khai của bị cáo Đinh Tiến H3 có giá trị, phù hợp khách quan lại không được xem xét như việc bị cáo không gặp các Sở, Ban ngành để lo “cơ chế”, dự án... Quá trình điều tra, bị cáo đã được đối chất với các bị cáo khác và bị cáo không thừa nhận nội dung của các đối tượng đã khai, lời khai của Đinh Tiến H3 là khách quan phù hợp cũng không được xem xét. Bùi Mạnh H2 khai chi tiết về việc người của Công ty Ngọc T4 mang thuốc nổ lên mỏ, giao cho Nguyễn Mạnh H4 và các đối tượng khác, không liên quan đến Đinh Tiến H3; không chứng minh được nội dung chuyển khoản, các dữ liệu điện tử không có nội dung chứng minh bị cáo phạm tội. Viện kiểm sát đánh giá số lượng

thuộc nổ, kíp nổ là chưa có cơ sở vững chắc, mang tính áp đặt. Điều luật mà Viện kiểm sát viện dẫn trong kháng nghị là chưa đúng với nội dung kháng nghị, không có căn cứ pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét phạm vi xét xử phạm vi xét xử phúc thẩm, áp dụng nguyên tắc suy đoán vô tội, không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái, giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với Đinh Tiến H3.

Trong phần tranh luận lại, đại diện Viện kiểm sát cấp cao tại Hà Nội căn cứ Điều 345 Bộ luật tố tụng hình sự thì ngoài nội dung kháng cáo, kháng nghị, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị xem xét các nội dung khác có liên quan đến việc giải quyết vụ án. Bản án sơ thẩm quy kết số lượng vật liệu nổ đối với Nguyễn Mạnh H4, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Trọng T là chưa chính xác, đại diện Viện kiểm sát đồng tình với các luật sư về nội dung này. Việc xác định khối lượng, hàm lượng quặng là đảm bảo nguyên tắc có lợi cho các bị cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét có cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm về nội dung này không? Về định giá là đảm bảo quy định của pháp luật. Về danh sách các cuộc gọi là do cơ quan viễn thông cung cấp theo đúng trình tự tố tụng. Số lượng vật liệu nổ ngày 18/12/2020 là không sử dụng cho ngày 19/12/2020 được thể hiện cụ thể trong sổ ghi chép và đã được bị cáo Bùi Minh Đ khai nhận rõ. Về USB do Nguyễn Mạnh H4 cung cấp không có giá trị chứng minh do không được thu thập đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật. Các tài liệu chứng cứ đại diện Viện kiểm sát nêu và đánh giá là hoàn toàn khách quan, trên cơ sở thu thập đúng trình tự, thủ tục, xem xét toàn diện vụ án, có xem xét đến nguyên tắc suy đoán vô tội khi giải quyết vụ án.

Tại lời nói sau cùng, bị cáo Lăng Đức H đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm hình phạt cho bị cáo; các bị cáo Nguyễn Trọng T, Nguyễn Văn H1 đề nghị xem xét toàn bộ bản án sơ thẩm; bị cáo Bùi Mạnh H2 đề nghị xem xét lại vai trò, tính chất mức độ để giảm hình phạt cho bị cáo; bị cáo Bùi Minh Đ đề nghị xem xét giảm hình phạt đối với tội “Vận chuyển, sử dụng trái phép vật liệu nổ” và đề nghị xem xét lại tội danh “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên”; bị cáo Trần Đắc V đề nghị hủy bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại; bị cáo Nguyễn Văn B đề nghị không chấp nhận kháng nghị đối với bị cáo và giảm hình phạt cho bị cáo; bị cáo Đinh Tiến H3 đề nghị bác kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái, giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với bị cáo; các bị cáo Nguyễn Mạnh H4, Lưu Bằng Đ1 đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng

về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, nên được coi là hợp pháp.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Lăng Đức Hân, Nguyễn Trọng T, Nguyễn Văn H1, Bùi Mạnh H2, Bùi Minh Đ, Trần Đắc V, Nguyễn Văn B, Lưu Bằng Đ1, Nguyễn Mạnh H4 thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như bản án sơ thẩm quy kết; lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phiên tòa sơ thẩm; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, vật chứng thu giữ trong vụ án, kết luận giám định, kết luận định giá..., có căn cứ xác định: Lợi dụng Hợp đồng khoan nổ mìn số 26/KNNM ngày 18/9/2020 giữa Công ty Ngọc T4 với Công ty Tuyên H10 để thi công công trình sửa chữa, nâng cấp đường vào mỏ Núi Ngàng, xã Cẩm Nhân, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái, Lăng Đức H là Giám đốc Công ty Ngọc T4 đã chỉ đạo, điều hành thực hiện việc nổ mìn trái phép trong các hầm lò có sẵn của Công ty Tuyên H10 và Công ty Tây Gi - Yên Bình tại mỏ Núi Ngàng để lấy đá làm đường, đồng thời bóc tách quặng với mục đích vụ lợi.

Trong thời gian từ tháng 10/2020 đến ngày 30/12/2020, Lăng Đức H đã nhiều lần chỉ đạo xuất kho, vận chuyển, sử dụng trái phép 2.768kg thuốc nổ các loại; 3391 kíp nổ các loại, để khai thác trái phép 1.096,4 tấn đá chứa quặng chì-kẽm, có trị giá 2.026.203.381 đồng tại mỏ Núi Ngàng, xã Cẩm Nhân, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái; trong đó:

- Số vật liệu nổ đã sử dụng trái phép tại mỏ của Công ty Tuyên H10 là 1.726,4kg thuốc nổ các loại và 2.325 kíp nổ các loại; sử dụng để khai thác trái phép 1.073,90242 tấn đá chứa quặng chì-kẽm, có giá trị 2.008.197.525,40 đồng.

- Số vật liệu nổ đã sử dụng trái phép tại mỏ của Công ty Tây Gi - Yên Bình là 1.0141,6kg thuốc nổ các loại và 603 kíp nổ các loại, để khai thác trái phép 22,50732 tấn đá chứa quặng chì-kẽm, có giá trị 18.005.856 đồng.

Để thực hiện hành vi vận chuyển, sử dụng trái phép vật liệu nổ, Lăng Đức H chỉ đạo Trần Đắc V, Trần Văn Kh xuất kho không có giấy phép vận chuyển vật liệu nổ; chỉ đạo Nguyễn Văn B sử dụng thuyền vận chuyển vật liệu nổ; phân công Bùi Minh Đ nhận, quản lý, cấp phát, giám sát sử dụng vật liệu nổ trên mỏ Núi Ngàng. Các bị cáo Trần Đắc V, Nguyễn Văn B, Bùi Minh Đ chủ động liên hệ, sắp xếp thời gian và phối hợp với nhau để vận chuyển vật liệu nổ. Ngoài ra, Lăng Đức H cũng trực tiếp thực hiện vận chuyển vật liệu nổ bằng ô tô và thuyền lên mỏ Núi Ngàng. Việc sử dụng vật liệu nổ trái phép của bị cáo Lăng Đức H tại các hầm lò thuộc mỏ của Công ty Tuyên H10 được sự đồng ý của Nguyễn Văn H1 là giám đốc và Nguyễn Trọng T là phó giám đốc Công ty Tuyên H10. H1 đã giao cho Bùi Mạnh H2 - Phó giám đốc chịu trách nhiệm giám sát sử dụng vật liệu nổ tại mỏ Núi Ngàng. Vì vậy, các bị cáo Nguyễn Văn H1, Nguyễn Trọng T, Bùi Mạnh H2

đã cùng bị cáo Lăng Đức H cố ý thực hiện hành vi sử dụng trái phép vật liệu nổ tại mỏ Núi Ngàng.

Tổng khối lượng quặng bị khai thác trái phép tại mỏ Núi Ngàng là 1.096,4 tấn đá chứa quặng chì-kẽm, có giá trị 2.026.203.381 đồng. Trong đó: Khối lượng quặng khai thác trái phép tại mỏ của Công ty Tây Gi - Yên Bình (Mỏ dưới) là 22,50732 tấn đá chứa quặng chì-kẽm, trị giá 18.005.856 đồng; Khối lượng quặng khai thác trái phép tại mỏ của Công ty Tuyên H10 (Mỏ trên) là 1.073,90242 tấn đá chứa quặng chì-kẽm, trị giá 2.008.197.525,40 đồng.

Do có hành vi nêu trên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái, Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái đã truy tố, xét xử các bị cáo Lăng Đức H, Bùi Minh Đ về tội “Vận chuyển, sử dụng trái phép vật liệu nổ” và tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên”; các bị cáo Nguyễn Trọng T, Nguyễn Văn H1, Bùi Mạnh H2 về tội “Sử dụng trái phép vật liệu nổ” và tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên”; các bị cáo Trần Đắc V, Nguyễn Văn B về tội “Vận chuyển trái phép vật liệu nổ” là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi nêu trên của các bị cáo Lăng Đức H, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Trọng T, Bùi Mạnh H2, Bùi Minh Đ, Lưu Bằng Đ1, Nguyễn Mạnh H4 đã phạm tội “Vi phạm quy định khai thác tài nguyên”, trong đó:

Các bị cáo Lăng Đức H, Bùi Minh Đ, Lưu Bằng Đ1 phải chịu trách nhiệm hình sự đối với khoáng sản khai thác trái phép tại mỏ Núi Ngàng, có tổng giá trị là 2.026.203.381 đồng.

Các bị cáo Nguyễn Văn H1, Nguyễn Trọng T, Bùi Mạnh H2, Nguyễn Mạnh H4 phải chịu trách nhiệm hình sự đối với khoáng sản khai thác trái phép tại mỏ Công ty Tuyên H10, giá trị là 2.008.197.525,40 đồng.

Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với giá trị khoáng sản khai thác trái phép trên 1.000.000.000 đồng. Do đó, Cáo trạng truy tố các bị cáo Lăng Đức H, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Trọng T, Bùi Mạnh H2, Bùi Minh Đ, Nguyễn Mạnh H4 và Lưu Bằng Đ1 về tội “Vi phạm quy định khai thác tài nguyên” theo điểm b, c khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái, Hội đồng xét xử thấy:

[3.1] Về nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái cho rằng các bị cáo Trần Đắc V, Nguyễn Văn B thực hiện hành vi vận chuyển trái phép vật liệu nổ ngày 19/12/2020, thấy: Mặc dù lời khai của bị cáo V trước sau đều không thừa nhận ngày 19/12/2020 xuất kho 04 bao tải vật liệu nổ. Bị cáo B khai nhận: Ngày 19/12/2020 có nhận 04 bao tải từ Vũ Văn Q1 rồi giao cho Lưu Bằng Đ1 nhưng không biết các bao tải chứa đựng gì. Lời khai của Lưu Bằng Đ1 cũng chỉ thừa nhận ngày 19/12/2020, Đ1 có nhận từ Nguyễn Văn B 04 bao tải rồi

vận chuyển bằng ô tô lên mỏ Núi Ngàng giao cho công nhân, nhưng không biết trong các bao tải đựng gì, đến chiều cùng ngày, Đ1 bàn giao cặp tài liệu cho Đ, thì thấy tài liệu có chữ ký của ông Đặng Văn Chữ - Phó Trưởng phòng PC06 Công an tỉnh Yên Bái thì Đ1 mới đoán biết 04 bao tải đó chứa thuốc nổ. Lời khai của các bị cáo Lăng Đức H, Bùi Minh Đ, Nguyễn Văn B, Lưu Bằng Đ1, ông Vũ Văn Q1, ông Đàm Văn T3 xác định trong tháng 12/2020, Vũ Văn Q1 có 3-4 lần nhận vật liệu nổ từ Trần Đắc V; Q1 khai trước các lần vận chuyển V đều gọi Q1 đến nhận hàng. Trong ngày 19/12/2020, V có gọi cho Q1 03 cuộc điện thoại (trong list điện thoại thể hiện V gọi cho Q1 vào hồi 07:01, 11:42 và 12:17); lời khai của Nguyễn Văn B xác định V gọi cho B vào ngày 19/12/2020 (trong list điện thoại này thể hiện cuộc gọi này vào hồi 11:41) với nội dung V nhờ B vận chuyển cho một chuyến hàng, trong quá trình vận chuyển thì B phát hiện ra trong tải là vật liệu nổ do sờ nắn; lời khai của Lưu Bằng Đ1 thể hiện ngày 19/12/2020 Đ1 có vận chuyển hộ Đ 04 bao tải từ bến Mỹ Gia lên mỏ Núi Ngàng bằng xe ô tô (trong list điện thoại thể hiện cuộc gọi của V cho Đ1 vào hồi 11:40; 12:50 ngày 19/12/2020), Đ1 khai V gọi hỏi Đ1 đã đến bến Mỹ Gia để nhận hàng chưa. Ngoài ra, còn các cuộc gọi giữa các đối tượng liên quan đến hành vi vận chuyển trái phép vật liệu nổ trong ngày 19/12/2020 như cuộc gọi của Q1 cho B (12:37); cuộc gọi của B cho Đ (12:46); cuộc gọi của Đ cho B (12:51); cuộc gọi của Đ1 cho B (12:52). Các cuộc gọi phù hợp với các lời khai của Q1, B, Đ1 về việc V đã xuất kho vật liệu nổ và gọi điện cho các bị cáo vận chuyển vật liệu trái phép lên mỏ Núi Ngàng ngày 19/12/2020. Lời khai của Bùi Minh Đ thể hiện ngày 18/12/2020 Đ nhờ Đ1 ngày 19/12/2020 vận chuyển hộ thuốc nổ từ bến Mỹ Gia đến mỏ Núi Ngàng; lời khai của Đàm Văn T3 xác định trong tháng 12/2002, T3 vào lán công nhân trên mỏ Núi Ngàng thấy có 04 bao tải thuốc nổ nhũ tương, mỗi bao nặng 24kg, T3 lấy 01 bao thuốc nổ vào nổ trong hầm lò. Ngày 20/12/2020, Đ gọi điện cho V hỏi về việc xuất vật liệu nổ và phát hiện thấy 01 bao, Đ hỏi thì T3 nhận là đã lấy 01 bao vật liệu nổ mang vào trong hầm lò sử dụng. Cũng chính V khai nhận tất cả các lần xuất vật liệu nổ đều do V xuất kho, trừ ngày 30/12/2020 (BL 2821-2822; 2758; 5793-5794; 2933; 5074; 5089; 5800c). Đồng thời cơ quan điều tra đã thu giữ được 40kg thuốc nổ nhũ tương cất giữ tại mỏ dưới. Đ khai nhận đó là số vật liệu nổ do Đ1 vận chuyển lên, đã sử dụng hết 56kg, còn lại 40kg. Như vậy, có căn cứ xác định ngày 19/12/2020 có xuất kho 96kg thuốc nổ loại nhũ tương và vận chuyển trái phép vật liệu nổ. Tuy nhiên V không thừa nhận, do đó cần điều tra làm rõ, lấy lại lời khai của các bị cáo liên quan đến hành vi vận chuyển vật liệu nổ ngày 19/12/2020 để tránh bỏ lọt hành vi phạm tội của các bị cáo.

[3.2] Xét nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái cho rằng bị cáo Đinh Tiến H3 phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên”, Hội đồng xét xử thấy:

Đinh Tiến H3 là người được Nguyễn Mạnh H4 giới thiệu với Nguyễn Trọng T, Đinh Tiến H3 giới thiệu Lăng Đức H với Nguyễn Trọng T để H được thi công

tuyến đường lên mỏ Núi Ngàng, đồng thời Đinh Tiến H3 liên hệ xin chấp thuận chủ trương làm đường lên mỏ Núi Ngàng. Đinh Tiến H3 thống nhất với Nguyễn Văn H1 và Nguyễn Trọng T về việc Đinh Tiến H3 lo “quan hệ, cơ chế” còn Nguyễn Mạnh H4 tìm người khai thác quặng, sau khi khai thác và bán được quặng thì trừ chi phí quan hệ, sản xuất lợi nhuận chia cho Tiến H3 1/3; 2/3 là của Công ty Tuyên H10 và Nguyễn Mạnh H4.

Mặc dù trong suốt quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Đinh Tiến H3 không thừa nhận bất cứ nội dung nào về việc bàn bạc, trao đổi khai thác mỏ Núi Ngàng với ai, không sắp xếp bố trí ai lên khai thác mỏ; không thừa nhận có trao đổi điện thoại, tin nhắn có nội dung liên quan đến việc khai thác mỏ; không được bàn bạc, không được nhận, hưởng lợi gì từ việc khai thác quặng tại mỏ Núi Ngàng; tuy nhiên xét lời khai của các bị cáo đối với Đinh Tiến H3, cụ thể:

- Lời khai của bị cáo Lăng Đức H tại cơ quan điều tra:

+ (BL 2827, 2863): “Thời gian khoảng đầu tháng 7/2020, anh H3 Phó bí thư tỉnh đoàn Yên Bái gọi điện cho tôi giới thiệu cho tôi làm công trình cải tạo nâng cấp tuyến đường lên mỏ Công ty Tuyên H10...”

+ (BL 2835, 2871, 2900): “Tôi và anh H3 - Phó Bí thư tỉnh đoàn Yên Bái có mối quan hệ bạn bè... Anh H3 giới thiệu cho tôi biết mỏ chì-kẽm tại Núi Ngàng... hiện đang làm thủ tục xin cấp giấy phép, đang trong giai đoạn hoàn thiện hồ sơ, thủ tục... Anh H3 bảo tôi trước mắt là thi công con đường cho họ, khi nào có giấy phép thì giới thiệu cho tôi nhận khai thác thuê cho Công ty Tuyên H10, tôi đồng ý...”, “... Anh H3 không giới thiệu, bàn bạc, trao đổi gì với tôi về việc khai thác khoáng sản chì-kẽm tại Núi Ngàng... anh H3 chỉ giới thiệu cho tôi làm đường cho Công ty Tuyên H10 và khi nào Công ty Tuyên H10 xin được cấp phép khai thác mỏ thì giới thiệu cho tôi được khai thác thuê cho Công ty Tuyên H10... Trong suốt quá trình sử dụng vật liệu nổ để khai thác quặng chì-kẽm trái phép tại mỏ của Công ty Tuyên H10 thì anh H3 không biết và tôi cũng không trao đổi gì với anh H3. Việc tôi làm đường cho Công ty Tuyên H10 mặc dù được anh H3 giới thiệu nhưng tôi và anh H3 cũng không có thỏa thuận gì về lợi nhuận”

+ (BL 2837): “... Tôi đã gặp anh H3 Phó bí thư tỉnh đoàn Yên Bái và anh Lưu Bằng Đ1 để trao đổi về việc này, chúng tôi thống nhất là sau khi mỏ Tuyên H10 có giấy phép khai thác thì tôi, anh H3, anh Đ1 sẽ cùng nhau hợp tác khai thác quặng chì-kẽm tại “lò ông Pháp” và bán lại cho Công ty Tuyên H10, hình thức khai thác là trái phép và cùng nhau chia lợi nhuận”

+ (BL 2873): “Khoảng giữa tháng 7/2020, tôi và anh H3 (Phó bí thư tỉnh đoàn) có gặp nhau tại quán nước nói chuyện... anh H3 nói thời gian tới Công ty Tuyên H10 sẽ làm đường lên mỏ Núi Ngàng... thì anh có khả năng làm được không, tôi trả lời tôi làm được. Sau đó anh H3 cho tôi số điện thoại và địa chỉ nhà riêng tại Hà Nội của anh T - Phó giám đốc Công ty Tuyên H10...”

+ (BL 2897): “Tôi không nói cho Đinh Tiến H3 biết việc anh Bùi Minh Đ là người chịu trách nhiệm quản lý sử dụng vật liệu nổ cho tôi tại công trình làm đường lên mỏ Núi Ngàng mà chỉ nói cho anh H3 biết anh Đ là người giúp tôi quản lý toàn bộ hoạt động việc làm đường lên mỏ Núi Ngàng”

+ (BL 2899): “Nội dung tin nhắn thể hiện việc anh Đinh Tiến H3 nhắc tôi đóng tiền điện tại mỏ Núi Ngàng cho Công ty Tuyên H10. Theo tôi nghĩ số tiền điện trên có cả nợ cũ của Công ty Tuyên H10 và do anh T ngại tôi nên mới nhờ anh H3 nhắn tin cho tôi”

+ (BL 2904): “Thời gian khoảng tháng 10-11/2020 anh H3 có hỏi tôi là nổ mìn trên ấy như thế nào, có thấy quặng không, tôi trả lời là việc vẫn chưa đâu vào đâu”

+ (BL 2905): “Đinh Tiến H3 biết việc tôi nổ mìn để làm tuyến đường lên mỏ của Công ty Tuyên H10, còn việc nổ mìn trong các hầm lò của Công ty Tuyên H10 thì tôi không biết anh H3 có biết hay không. Anh H3 không lên tuyến đường lên mỏ Tuyên H10 trong thời gian thi công”

+ (BL 2903): “Đinh Tiến H3 không bàn bạc trao đổi gì với tôi về việc khai thác quặng chì kẽm tại mỏ Núi Ngàng”, “Đinh Tiến H3 không tham gia bàn bạc gì về việc sử dụng vật liệu nổ tại mỏ Núi Ngàng”.

- Lời khai của Nguyễn Văn H1 (BL 5064), H1 khai “... Sau đó H3 Th11 đến quán và chúng tôi đã cùng nhau bàn bạc, thống nhất về việc khai thác quặng tại mỏ Núi Ngàng trong giai đoạn làm đường, kết quả cuộc gặp thống nhất H3 Th11 lo chi phí quan hệ, chi phí sản xuất; việc tìm người về khai thác quặng giao cho H4 lùn và phân chia lợi nhuận sau khi khai thác và bán được quặng trừ đi các chi phí đã bỏ ra (H3 Th11 hưởng 1/3 lợi nhuận, 2/3 còn lại của Công ty Tuyên H10 và H4 lùn)”

- Lời khai của Bùi Minh Đ (BL 2784), khi được hỏi nội dung cuộc gọi của Đinh Tiến H3 với Đ ngày 10/12/2020, Đ trả lời “Nội dung cuộc gọi anh H3 có hỏi tôi là cái máy xúc tại mỏ trên đã sửa được chưa. Tôi trả lời anh H3 là máy đã sửa được rồi...”

- Lời khai của Lưu Bằng Đ1 (BL 5075), Đ1 khai “Quá trình tôi tham gia khai thác quặng tại Núi Ngàng... có một lần (trong tháng 12/2020, tôi không nhớ rõ ngày) Đinh Tiến H3 gọi điện cho tôi hỏi tình hình mỏ dưới có thấy gì không thì tôi trả lời là thấy công nhân bảo có một cái “mắt trâu” (ý là đã vào chỗ có quặng). Anh H3 tiếp tục nói với tôi là thấy “mắt trâu” là tốt đấy...”

- Biên bản hỏi cung (BL 5049, 5050) khi được yêu cầu giải thích nội dung tin nhắn giữa H1 và T, T khai “H1 bảo tôi nhắc H3 Th11 nộp tiền điện trên mỏ Núi Ngàng nhưng vì tôi ngại nên tôi bảo H1 liên lạc với H3 Th11 bảo H3 Th11 đóng tiền điện”, “Tôi bảo H1 gọi điện cho H3 Th11 nộp tiền điện trên mỏ Núi Ngàng vì theo

thỏa thuận H3 Th11 sẽ lo về chi phí sản xuất. H1 nói đã bảo H3 Th11 rồi và sau đó tiền điện đã được thanh toán”.

- Biên bản đối chất giữa Nguyễn Văn H1 và Đinh Tiến H3 (BL3289), H1 khai: “... Sau khi nhận ra nhau là bạn học tôi nói chuyện với Đinh Tiến H3 về việc mỏ Núi Ngàng đang trong quá trình xin ý kiến của các sở ban ngành (lần cuối) về việc xin cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản, hiện nay còn vướng mắc ở Sở Văn hóa do bên Sở Văn hóa có ý kiến là mỏ Núi Ngàng rơi vào quy hoạch vùng du lịch của Chính phủ, tôi nhờ H3 xem có giải quyết được giúp không. Sau đó tôi và chú T nói cho H3 biết là tôi và chú T đang cùng nhau làm ở mỏ Núi Ngàng... Sau khi nghe tôi và chú T trao đổi thì Đinh Tiến H3 nói vấn đề bên Sở Văn hóa sẽ hỏi giúp, còn hiện nay Công ty Tuyên H10 đang tiến việc làm đường, quá trình khai thác đá làm đường thì tiến hành bóc tách quặng luôn. Tôi nói mỏ Núi Ngàng hiện chưa có giấy phép khai thác, H3 nói nếu chưa có giấy phép thì H3 sẽ lo giúp về cơ chế. Việc chịu trách nhiệm khai thác quặng sẽ giao cho H4 lùn thực hiện. Sau khi khai thác xong sẽ tính toán trừ các chi phí, lợi nhuận thu được sẽ cắt 1/3 cho Đinh Tiến H3, 2/3 còn lại là của Công ty Tuyên H10 và H4 lùn...”, tuy nhiên Đinh Tiến H3 không thừa nhận.

- Biên bản đối chất giữa Nguyễn Mạnh H4 và Đinh Tiến H3 (BL 3291), 3293, Mạnh H4 khai: “Khoảng giữa tháng 10/2020, anh Đinh Tiến H3, Nguyễn Trọng T có nhờ tôi tìm người có hiểu biết về đất đá, quặng để khai thác đá làm đường và bóc tách quặng tại mỏ Núi Ngàng... anh Đinh Tiến H3 nói đã bàn bạc, thống nhất với anh T rồi, anh H3 lo cơ chế, quan hệ và được hưởng 1/3 giá trị quặng khai thác được, 2/3 giá trị quặng khai thác được anh T sẽ được hưởng. Tôi nói với anh Đinh Tiến H3 là mỏ Núi Ngàng chưa có giấy phép làm như vậy nguy hiểm và vi phạm pháp luật. Anh Đinh Tiến H3 nói lại là mọi việc H3 lo hết, nhờ tôi tìm người giúp H3. Sau đó tôi có hỏi lại anh T nội dung mà Đinh Tiến H3 nói với tôi thì anh T xác nhận đúng và có nói thêm mọi việc có Đinh Tiến H3 lo, bảo tôi chỉ việc tìm người đưa lên mỏ và giao lại cho ông H4 già”; “Trong quá trình khai thác quặng tại mỏ Núi Ngàng, anh Đinh Tiến H3 có gọi điện cho tôi 2 lần (khoảng cuối tháng 11 và đầu tháng 12/2020) để hỏi về tình hình sản xuất tại mỏ thế nào, khối lượng, chất lượng quặng khai thác được như thế nào. Tôi có trả lời anh H3 là tình hình sản xuất bình thường, khối lượng không biết được bao nhiêu nhưng độ quặng thấp”; “Sau khi vụ án xảy ra, anh Đinh Tiến H3 có gọi điện cho tôi nói lực lượng phòng an ninh điều tra mông, chứng cứ về tôi rất mơ hồ và sắp đóng án nên bảo tôi tạm tránh đi một thời gian...”, tuy nhiên, Đinh Tiến H3 không thừa nhận lời khai trên của Nguyễn Mạnh H4.

- Biên bản đối chất giữa Nguyễn Trọng T với Đinh Tiến H3 (BL 3295), T khai “cùng H1 gặp Đinh Tiến H3 tại quán cà phê Đồng T4, H1 nói cho H3 Th11 biết H1 có mỏ tại Núi Ngàng đang trong thời gian chờ cấp lại giấy phép khai thác và đang sửa chữa nâng cấp đường lên mỏ. H3 Th11 nói việc đó tôi có nghe nói rồi,

bây giờ tiện thể việc làm đường thì bóc tách khai thác luôn để lấy quặng. H1 nói mỏ hiện chưa có giấy phép khai thác. H3 Th11 nói việc đấy để tôi lo... H3 Th11 nói sẽ lo về cơ chế, quan hệ, chi phí sản xuất, phương tiện máy móc. Sau khi khai thác được quặng thì tính toán trừ chi phí, lợi nhuận thu được thì H3 Th11 sẽ lấy 1/3, Công ty Tuyên H10 sẽ lấy 2/3...", tuy nhiên Đinh Tiến H3 không thừa nhận lời khai trên.

T khai "Trong quá trình tiến hành khai thác quặng từ đầu tháng 11 đến cuối tháng 12/2020 H3 Th11 có khoảng 2-3 lần gọi điện cho tôi nói về việc chất lượng quặng khai thác được kém..." nhưng Đinh Tiến H3 chỉ thừa nhận có gọi điện cho T nhưng nói về chuyện khác.

T khai "Khi Công ty Ngọc T4 bắt đầu triển khai làm đường vào khoảng tháng 10/2020 thì H3 Th11 có gọi điện thoại cho tôi hỏi mượn kho mìn của Công ty Tuyên H10 tại mỏ Núi Ngàng để cho Công ty Ngọc T4 chứa vật liệu nổ, tôi trả lời không được vì việc quản lý mìn rất khó", tuy nhiên Đinh Tiến H3 không thừa nhận.

T khai "Sau khi xảy ra sự việc Công ty Ngọc T4 bị bắt quả tang về việc vận chuyển trái phép vật liệu nổ, khoảng đầu tháng 01/2021 H3 Th11 có gọi điện thoại cho tôi bảo lên Yên Bái nói chuyện... H3 Th11 nói tình hình rất phức tạp, rắc rối, khả năng anh H sẽ bị khởi tố, anh em bàn bạc với nhau tìm cách giải quyết...", tuy nhiên Đinh Tiến H3 không thừa nhận.

- Biên bản hỏi cung Nguyễn Mạnh H4 (BL 3139, 3149), Bản tự khai (BL 3153, 3144), Nguyễn Mạnh H4 khai "khoảng đầu tháng 10/2020 anh H3 Phó bí thư tỉnh đoàn Yên Bái có nói chuyện với tôi Công ty Tuyên H10 đang làm đường lên mỏ... anh H3, anh T bàn bạc thống nhất với nhau anh H3 được hưởng 1/3 giá trị quặng khai thác được...", "Anh H3 có chỉ đạo tôi vào mỏ khai thác còn các nội dung cụ thể, chi tiết anh H3 không chỉ đạo tôi..."

- Lời khai Nguyễn Mạnh H4 (BL 3141, 3161, 3163), H4 khai: "Khoảng tháng 10/2020 H3 có nói với tôi tiện thể đang làm đường thì khai thác quặng luôn, H3 cho tôi biết đã bàn bạc và thống nhất với anh T phó giám đốc Công ty Tuyên H10 rồi, H3 nói là H3 được hưởng 1/3 giá trị bán quặng khai thác được, tôi có hỏi lại anh T và được anh T xác nhận là đúng như vậy..."

+ (BL 3157) Nguyễn Mạnh H4 khai "Đinh Tiến H3 và Nguyễn Trọng T là người nhờ tôi tìm người lên mỏ Núi Ngàng..."

+ (BL 3165, 3142, 3145), Mạnh H4 khai: "Đinh Tiến H3 nhờ tôi tìm người khai thác quặng..."

- Lời khai của Nguyễn Trọng T:

+ (BL 3181, BL 3182), T khai: "...H3 Th11 bảo đang tiện việc làm đường thì vừa chờ giấy phép vừa tiến hành khai thác quặng luôn, mọi thủ tục tôi sẽ lo..."

H3 Th11 nói mở cửa ông thì tôi sẽ lo thủ tục, quan hệ, cứ cộng vào sau đó trừ chi phí quan hệ, chi phí sản xuất thì tôi sẽ lấy một phần, Công ty Tuyên H10 sẽ được hai phần...”

+ (BL 3190) T khai: “... H3 Th11 nói việc liên quan đến Sở Văn hóa sẽ xem xét liên hệ giải quyết giúp, các ông có mở tiện thể làm đường thì tiến hành khai thác luôn. H3 Th11 lo về cơ chế, quan hệ, còn về chi phí sản xuất, phương tiện máy móc, công nhân giao cho H4 lùn chịu trách nhiệm... H3 Th11 và H4 lùn sẽ được hưởng 1/3 lợi nhuận, 2/3 còn lại là của Công ty Tuyên H10...”

+ (BL 4041), T khai: “... H1 có nói với H3 việc vướng mắc ở Sở Văn hóa, H3 Th11 nói cái này để tôi hỏi, H3 Th11 nói bây giờ đang tiện làm đường sao không khai thác luôn, H1 nói chưa có giấy phép, H3 Th11 nói để tôi lo... H3 Th11 nói để tôi lo về nhân công, máy móc, chi phí quan hệ, sau khi trừ chi phí sẽ chia H3 Th11 1/3, bên ông (Công ty Tuyên H10) với H4 lùn là 2/3, việc tìm người giao cho H4 lùn, chi phí máy móc, quan hệ do H3 Th11 lo...”

- Tại Biên bản hỏi cung Nguyễn Văn H1, (BL 4047, 4052), H1 khai: “... Hai chú cháu đang làm thủ tục cấp phép mở chòi kềm Núi Ngàng, hiện nay đang vướng mắc bên Sở Văn hóa, nên nhờ H3 hỏi hộ thủ tục vướng mắc, Đình Tiến H3 nói sẽ giúp hỏi Sở Văn hóa về giải quyết vướng mắc, Đình Tiến H3 đặt vấn đề với tôi và T trong quá trình đổ đá làm đường có quặng thì bóc tách quặng luôn...”, “H3 Th11 đặt vấn đề tiện anh H đang nổ mìn lấy đá làm đường lên mỏ, có quặng thì bóc tách luôn. H3 Th11 nói về cơ chế, quan hệ H3 Th11 lo, về lợi nhuận trừ chi phí thì H3 Th11 lấy 1/3, còn lại 2/3 là Công ty Tuyên H10 và H4 lùn. Việc tìm người lên mỏ bóc tách quặng giao cho H4 lùn...”

- Biên bản hỏi cung Nguyễn Mạnh H4 do Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội lập ngày 29/01/2024, Mạnh H4 khai: “Giữa tháng 10/2020 tôi thấy Đình Tiến H3 gọi điện thoại cho tôi bảo tôi tìm người đưa xuống khai thác tại mỏ Núi Ngàng của Công ty Tuyên H10 chứ không nói về chi phí và quyền lợi tôi hưởng như thế nào. Tôi thấy thế sau đó đã gọi điện cho Nguyễn Trọng T hỏi có đúng là T và H3 Th11 đã thỏa thuận và thống nhất để tôi đưa người xuống mỏ Núi Ngàng khai thác không? T trả lời là đúng và tôi nói em triển khai nhé. Qua chỉ đạo của Đình Tiến H3 thì tôi biết họ thỏa thuận với nhau là Đình H3 được hưởng 1/3 lợi nhuận còn Tuyên H10 2/3 lợi nhuận, tôi không được hưởng lợi gì”. Khi được hỏi “Quá trình khai thác Đình H3 có gọi điện cho anh không?”, Nguyễn Mạnh H4 trả lời “Có vài lần H3 Th11 hỏi công việc sao rồi và độ quặng như thế nào, tôi trả lời công việc bình thường nhưng công nhân báo lại độ quặng thấp”.

- Biên bản hỏi cung Nguyễn Đức H1 do Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội lập ngày 31/01/2024 khi được yêu cầu trình bày nội dung cuộc gặp tại quán cà phê Đồng Tâm với Đình Tiến H3 và Nguyễn Trọng T, H1 khai: “Cuộc gặp tại quán cà phê Đồng Tâm do Nguyễn Trọng T giới thiệu Đình Tiến H3 với bị cáo. Tại đây, bị cáo nhờ Đình Tiến H3 hỏi về hồ sơ, thủ tục xin cấp phép khai

thác mỏ Núi Ngang đang có vướng mắc tại Sở Văn hóa, Tiến H3 đồng ý, đồng thời Tiến H3 chủ động đề xuất việc tiện làm đường thì khai thác, bóc tách quặng luôn, H3 sẽ lo quan hệ, cơ chế. Sau khi trừ chi phí thì lợi nhuận H3 lấy 1/3, H3 đề nghị việc khai thác quặng giao cho Nguyễn Mạnh H4 tìm người lên khai thác quặng, còn 2/3 lợi nhuận của Công ty Tuyên H10 và của Nguyễn Mạnh H4 (H4 lùn). Bị cáo và Nguyễn Trọng T đều đồng ý, bị cáo có nói thêm các anh làm thế nào thì làm đừng làm ảnh hưởng đến việc xin cấp giấy phép của tôi...”

- Biên bản hỏi cung Nguyễn Trọng T do Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội lập ngày 31/01/2024, khi được hỏi “Bị cáo cho biết lý do có cuộc họp 3 bên giữa T, Đinh Tiến H3 và H1?”, T trả lời “Do thời điểm đang xin giấy phép ở các bộ (cần lấy ý kiến của các sở ban ngành), toàn bộ hồ sơ do H1 làm và H1 có nói lại vướng mắc ở Sở Văn hóa. Trước đó khi gặp H4 lùn, tôi (T) được biết Đinh Tiến H3 là Phó bí thư tỉnh đoàn. Ngày 18/10/2020 cả hai đã sắp xếp các bên gặp nhau, mục đích buổi gặp là để nhờ Đinh Tiến H3 hỏi hộ về việc ở Sở Văn hóa. Hôm đó tại quán cafe Đồng Tâm, tôi có nghe được (nhưng không rõ) và sau đó H1 xác nhận lại Đinh Tiến H3 thỏa thuận sẽ lo cơ chế còn máy móc, vận hành, công nhân sẽ giao cho H4 lùn thực hiện. Sau khi khai thác quặng thì trừ đi chi phí do Đinh Tiến H3, H4 lùn bỏ ra gồm chi phí quan hệ, chi phí sản xuất thì Đinh Tiến H3 và H4 lùn sẽ hưởng 1/3 lợi nhuận, còn 2/3 là của Công ty Tuyên H10...”. Khi được hỏi “Ai là người gọi cho bị cáo đề nghị Tuyên H10 nhận hộ mìn từ Công ty Ngọc T4?” thì T trả lời “Đinh Tiến H3 có gọi cho tôi (T) về việc nhận thuốc nổ hộ Công ty Ngọc T4...”, “Tôi cho rằng Đinh Tiến H3 là người gọi điện cho tôi bảo nhận vật liệu nổ hộ Công ty Ngọc T4 và tôi cũng không biết tại sao Công ty Ngọc T4 lại chuyển vật liệu nổ cho chúng tôi nên phải xem xét vai trò của Đinh Tiến H3 trong việc sử dụng, kết nối giao nhận vật liệu nổ”.

- Biên bản hỏi cung Lăng Đức H do Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội lập ngày 01/02/2024, H khai: “Tôi với anh Đinh Tiến H3 là bạn thân của nhau, chúng tôi thường xuyên vay mượn tiền của nhau, ngoài ra đây là lần đầu tiên anh Đinh Tiến H3 giới thiệu cho Công ty tôi để làm đường”. Khi được hỏi “Anh giải thích cho Viện kiểm sát biết nội dung những khoản chuyển tiền dịch vụ mìn, chuyển tiền mua hàng mà Đinh Tiến H3 đã chuyển cho anh?” thì H trả lời “Tôi không biết tại sao anh Đinh Tiến H3 lại ghi những nội dung như vậy (chuyển tiền mua hàng, chuyển tiền dịch vụ mìn...) khi chuyển khoản cho tôi vì tôi không có bán hay cung cấp dịch vụ gì cho bên anh Đinh Tiến H3 cả”.

Ngoài ra, quá trình điều tra đã thu giữ được các tin nhắn và file ghi âm có liên quan đến hành vi phạm tội của Đinh Tiến H3, trong đó có tin nhắn:

+ Ngày 18/10/2020 giữa Nguyễn Trọng T và Đinh Tiến H3: “T: Trưa em ơ yên bái không; H3: Trưa e đi hồ, chiều tối mới về yb a ạ; T: Ok thế em. cứ đi đi a muốn ae mình với H1 ngồi chút để nó yên tâm cho khai thác trên mỏ; H3: Vâng. Thế tối a với H1 lên đi”

+ Ngày 09/11/2020 Nguyễn Trọng T nhắn tin cho Đinh Tiến H3 nhờ Th11 toán tiền điện của mỏ không bị cắt điện phục vụ việc khai thác quặng: “T: Tài khoản điện lực yên bình tk 3711 000 439 042 c.t TNHH tuyên H10 nộp tiền điện 1630.000.00đ; H3: Ok a; T: Em bảo chuyển tk điện lực cho a; H3: Ok a”. Sau đó H3 đã nhắn tin lại cho H thúc giục H nộp tiền điện: “Tài khoản điện lực yên bình tk 3711000439042 ct TNHH tuyên H10 nộp tiền điện 1630.000.00 đi. A cho kế toán nộp tiền điện này cái nhé. K mai nó cắt”.

Cơ quan điều tra đã thu thập file ghi âm cuộc nói chuyện giữa Nguyễn Trọng T và Nguyễn Mạnh H4 “Nguyễn Mạnh H4: Vì đằng nào công ty mình chẳng có người liên quan mình giải quyết chứ việc thì anh biết rõ ràng bên anh thì lấy hai phần, thằng H3 Th11 lấy một phần, em có được cái lợi ích gì đâu, đúng không. Anh em mình nói thẳng quan điểm là giúp nhau, bây giờ vào việc thì anh đứng lên đại diện công ty là đẹp giai nhất đấy, em thì nó không đủ căn cứ để nó phang đâu, em nói thật nhưng mà. Nguyễn Trọng T: Ừ”

Sau khi Bùi Minh Đ bị bắt quả tang vận chuyển trái phép vật liệu nổ thì Đinh Tiến H3 đã gặp gỡ Nguyễn Mạnh H4, Nguyễn Trọng T để thông tin, bàn bạc tìm cách tháo gỡ. Đinh Tiến H3 còn bảo Nguyễn Mạnh H4 tạm thời tránh đi một thời gian. Tuy nhiên Đinh Tiến H3 không thừa nhận về vấn đề này.

Xét lời khai của một số bị cáo phù hợp với nhau, đều khẳng định Đinh Tiến H3 có gặp gỡ, trao đổi về việc làm đường lên mỏ, trong quá trình làm đường thì khai thác bóc tách quặng luôn, nhờ tìm người đưa lên mỏ Núi Ngàng, có việc thỏa thuận ăn chia lợi nhuận giữa Đinh Tiến H3 với Công ty Tuyên H10 và Nguyễn Mạnh H4; có việc Đinh Tiến H3 chuyển tiền nội dung chuyển tiền mua hàng và dịch vụ nổ mìn. Riêng lời khai của Lãng Đức H phần lớn cho rằng Đinh Tiến H3 không giới thiệu, bàn bạc, trao đổi gì với H về việc khai thác khoáng sản chì-kẽm tại Núi Ngàng, trong suốt quá trình sử dụng vật liệu nổ để khai thác quặng chì-kẽm trái phép tại mỏ của Công ty Tuyên H10 thì Đinh Tiến H3 không biết và H cũng không trao đổi gì với Đinh Tiến H3 nhưng H thừa nhận Đinh Tiến H3 có gặp gỡ và giới thiệu cho H làm đường lên mỏ cho Công ty Tuyên H10, Đinh Tiến H3 có nhắn tin nhắc H nộp tiền điện, tuy nhiên Đinh Tiến H3 không thừa nhận.

Hội đồng xét xử thấy rằng, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái đã 02 lần trả hồ sơ đề nghị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái bổ sung chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của Đinh Tiến H3 nhưng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái không bổ sung thêm được chứng cứ mới. Do vậy, với các chứng cứ đã được điều tra, Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định “Trong suốt quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Đinh Tiến H3 không thừa nhận bất cứ nội dung nào về việc bàn bạc, trao đổi khai thác mỏ Núi Ngàng với ai, không sắp xếp bố trí ai lên khai thác mỏ; Không thừa nhận có trao đổi điện thoại, tin nhắn có nội dung liên quan đến việc khai thác mỏ; Không được bàn bạc nhận, hưởng lợi gì từ việc khai thác quặng tại mỏ Núi Ngàng”, “lời khai của các bị cáo H, T, Đ, Bùi Mạnh H2 chỉ là

một chiều, riêng rẽ, không chứng minh được cho nhau và không chứng minh được vai trò, vị trí và tính liên quan trực tiếp của Đinh Tiến H3 đối với việc khai thác quặng trái phép ở mỏ Núi Ngàng như Cáo trạng truy tố”, từ đó tuyên bị cáo Đinh Tiến H3 không phạm tội. Tuy nhiên trong quá trình điều tra và tại phiên tòa phúc thẩm thấy các lời khai của các bị cáo và tài liệu thu thập được còn mâu thuẫn và nhiều tình tiết, chứng cứ cơ quan điều tra chưa thu thập đầy đủ và chưa làm rõ được. Về vấn đề này, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã 2 lần trả hồ sơ để điều tra bổ sung. Hội đồng xét xử thấy cần thiết hủy Bản án sơ thẩm đối với Đinh Tiến H3, giao hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái để điều tra lại, cần làm rõ có hay không sự tham gia của Đinh Tiến H3 trong việc khai thác quặng, làm rõ Đinh Tiến H3 có giúp sức về tinh thần cho các bị cáo khác trong vụ án hay không; có việc Đinh Tiến H3 liên hệ để can thiệp về việc cấp giấy phép khai thác khoáng sản cho Công ty Tuyên H10 và Công ty Ngọc T4 hay không, nếu có thì việc can thiệp cụ thể như thế nào; có việc Đinh Tiến H3 chỉ đạo, sắp xếp, bố trí phương tiện, vật tư, nhân lực cho việc khai thác trái phép tại mỏ Núi Ngàng không; làm rõ sự mâu thuẫn trong lời khai của Lăng Đức H; lý do Đinh Tiến H3 nhắc H việc Th11 toán tiền điện tại mỏ Núi Ngàng; có việc Đinh Tiến H3 điện thoại hỏi tình hình quặng và trữ lượng quặng thế nào; làm rõ lời khai của Đinh Tiến H3 về việc không có và không sử dụng tài khoản zalo cũng như làm rõ bản ảnh mà Nguyễn Trọng T đã gửi và cho rằng đó là hình ảnh quặng gửi cho Đinh Tiến H3 bằng zalo hay bằng mạng nào khác...

Ngoài ra, cần xác định lại số lượng thuốc nổ mà các bị cáo vận chuyển, sử dụng như đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa đề nghị; xác định tính hợp pháp của kết luận giám định về khối lượng, hàm lượng chì, kẽm có đúng quy định của pháp luật hay không; cần làm rõ trong quá trình vận chuyển và sử dụng vật liệu nổ thì ngoài các bị cáo đã bị truy tố, xét xử có thêm người nào liên quan tham gia không cũng như xem xét hành vi của Trần Đắc V và Nguyễn Văn B trong việc vận chuyển vật liệu nổ ngày 19/12/2020 để tránh bỏ lọt tội phạm, hành vi phạm tội cũng như xét xử oan người không có tội.

Mặt khác, sau khi xét xử sơ thẩm và sau khi có quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã tiến hành lấy lời khai của các bị cáo Lăng Đức H, Nguyễn Trọng T, Nguyễn Mạnh H4, Nguyễn Văn H1. Tại các lời khai này, các bị cáo đã khai tương tự với nội dung mà các bị cáo đã khai tại cơ quan điều tra. Tuy nhiên, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội thu thập các tài liệu này sau khi xét xử sơ thẩm, do vậy, để việc lấy lời khai các bị cáo theo đúng quy định pháp luật thì trong quá trình điều tra lại cần lấy lại lời khai của các bị cáo và làm rõ nội dung khai báo của các bị cáo như trong biên bản ghi lời khai mà Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã thu thập.

[4] Xét nội dung kháng cáo xin giảm hình phạt của các bị cáo Lăng Đức H, Nguyễn Trọng T, Nguyễn Văn H1, Bùi Mạnh H2, Bùi Minh Đ, Trần Đắc V, Nguyễn Văn B: Như phân tích ở trên, Hội đồng xét xử thấy cần thiết hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để điều tra lại, làm rõ vai trò, tính chất, mức độ hành vi phạm tội, thái độ khai báo, ý thức chủ quan của các bị cáo trong vụ án, từ đó quyết định mức án cụ thể đối với từng bị cáo cho phù hợp, đúng quy định pháp luật. Do vậy, có căn cứ chấp nhận về hình thức đối với kháng cáo của các bị cáo Lăng Đức H, Nguyễn Trọng T, Nguyễn Văn H1, Bùi Mạnh H2, Bùi Minh Đ, Trần Đắc V, Nguyễn Văn B. Về nội dung kháng cáo của các bị cáo được xem xét khi điều tra, xét xử lại vụ án.

[5] Trong quá trình điều tra lại cần làm rõ các vấn đề mà bản án sơ thẩm đã kiến nghị khởi tố, truy tố đối với Trần Văn Kh về tội “Vận chuyển trái phép vật liệu nổ” cũng như xem xét xử lý trách nhiệm pháp nhận đối với Công ty TNHH thương mại Ngọc T4 và Công ty TNHH Tuyền H10.

[6] Đối với các bị cáo Lưu Bằng Đ1, Nguyễn Mạnh H4 sau khi xét xử sơ thẩm các bị cáo không kháng cáo, không bị kháng nghị nhưng xét thấy hành vi của các bị cáo liên quan chặt chẽ với hành vi của các bị cáo trong vụ án nên Hội đồng xét xử quyết định hủy toàn bộ quyết định của bản án sơ thẩm liên quan đến tội danh, điều luật áp dụng, hình phạt và các vấn đề khác có liên quan đến các bị cáo Lưu Bằng Đ1, Nguyễn Mạnh H4.

Ý kiến của các luật sư bào chữa cho các bị cáo cũng như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa về đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Ý kiến của luật sư bào chữa cho bị cáo Đinh Tiến H3 không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy cần thiết hủy toàn bộ Bản án hình sự sơ thẩm số 44/2023/HS-ST ngày 07/11/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái để điều tra, xét xử lại vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

[7] Về án phí: Do hủy bản án sơ thẩm nên các bị cáo Lăng Đức H, Nguyễn Trọng T, Nguyễn Văn H1, Bùi Mạnh H2, Bùi Minh Đ, Trần Đắc V, Nguyễn Văn B, Đinh Tiến H3 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355, khoản 1 Điều 358 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm f khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 12/QĐ-VKS-P1 ngày 17/11/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái;

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lăng Đức H, Nguyễn Trọng T, Nguyễn Văn H1, Bùi Mạnh H2, Bùi Minh Đ, Trần Đắc V, Nguyễn Văn B về hình thức;

Hủy toàn bộ Bản án hình sự sơ thẩm số 44/2023/HS-ST ngày 07/11/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái; Giao hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái để điều tra lại vụ án theo quy định của pháp luật.

Tiếp tục tạm giam các bị cáo Lăng Đức H, Nguyễn Trọng T, Nguyễn Văn H1, Bùi Mạnh H2, Bùi Minh Đ, Trần Đắc V, Nguyễn Văn B cho đến khi Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái thụ lý lại vụ án.

2. Về án phí: Các bị cáo Lăng Đức H, Nguyễn Trọng T, Nguyễn Văn H1, Bùi Mạnh H2, Bùi Minh Đ, Trần Đắc V, Nguyễn Văn B, Đinh Tiến H3 không phải nộp tiền án phí hình sự phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ 1 - TAND tối cao;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- Công an tỉnh Yên Bái;
- Cục THADS tỉnh Yên Bái;
- TTG - Công an tỉnh Yên Bái;
- Các bị cáo Hân, T, H1, Mạnh H2, Đ, V, B (qua TTG);
- Bị cáo Tiến H3 (theo đ/c);
- Người tham gia tố tụng khác (theo đ/c);
- Lưu HS, PHCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Tự Học